MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 2
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 2
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp 2
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu: 2
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu 3
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp: 4
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: 6
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 7
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: 8
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: 9
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu ... 9
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 9
1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 16
1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác 18
1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 22
1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí 25
1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán: 22
1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 27
1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính 34
1.4.2.4. Kế toán chi phí khác: 36
***1.4.2.5.* Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp** 34
1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh: 37

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG 39
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP..... 39
2.1.1. Qúa trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP 39
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty 39
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP. 43
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP. 44
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP. 44
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng. 46
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP. 44
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP. 44
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP. ... 54
2.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính. 59
2.2.4. Kế toán chi phí tài chính. 63
2.2.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp 68
2.2.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp 68
2.2.6. Nội dung, trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động khác 73
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng. 85

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG 95

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP 95

3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 95

3.1.1. Ưu điểm 95

3.1.2. Nhược điểm 92

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP. 94

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. 94

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. 95

3.2.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán. 95

3.2.2.2. Hoàn thiện về hiện đại hóa công tác kế toán. 98

3.2.2.3. Hoàn thiện về quá trình luân chuyển chứng từ. 104

3.2.2.2. Một số giải pháp khác. 100

KẾT LUẬN 106

TÀI LIỆU THAM KHẢO 107

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều các chính sách kinh tế đổi mới tạo điều kiện cho nền kinh tế ngày càng phát triển. Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất xã hội. Nền sản xuất ngày càng phát triển, kế toán ngày càng khẳng định được vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính chung của nhà nước và doanh nghiệp. Trong những năm qua nhờ có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế quản lý kinh tế cũng như đường lối chính sách kinh tế xã hội, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những đổi mới, ngày một hoàn thiện và phát triển.

Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán đã khẳng định được vai trò của mình.

Dưới sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn nhiệt tình của **Thạc sỹ Phạm Văn Tưởng**, nên trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: **"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP".**Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1*: *Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP

Do thời gian có hạn, nhận thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót.Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô, cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

- **Khái niệm:**

❖ **Doanh thu**: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Phân loại doanh thu:**

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả

góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ. . .

- Cổ tức lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác**: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường ;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➢ ***Chiết khấu thương mại***:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên "Hoá đơn GTGT" hoặc "Hoá đơn bán hàng" lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại

trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➢ ***Giảm giá hàng bán*:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➢ ***Giá trị hàng bán bị trả lại:***

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➢ ***Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp*:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \begin{matrix}\text{Doanh số hàng}\\ \text{hóa, dịch vụ bán ra}\end{matrix} - \begin{matrix}\text{Giá vốn hàng hóa,}\\ \text{dịch vụ bán ra}\end{matrix}$$

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

Khái niệm:

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

Phân loại chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- ***Giá vốn hàng bán***: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- ***Chi phí bán hàng*:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- ***Chi phí quản lý doanh nghiệp*:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.
- ***Chi phí hoạt động tài chính:*** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

▪ ***Chi phí khác:*** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

▪ ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:***

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp :

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả hoạt động kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính**: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ **Hoạt động khác**: là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh* :

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dich vụ – Giá vốn hàng bán – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý DN

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu

+ *Kết quả hoạt động tài chính*

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

+ *Kết quả hoạt động khác*:

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá

để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quản quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài gián bán (nếu có);
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu);
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;
- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định

trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Các phương thức bán hàng

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

- ***Chứng từ sử dụng:***

  - Hóa đơn GTGT
  - Hóa đơn bán hàng thông thường
  - Hợp đồng kinh tế
  - Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
  - Các chứng từ liên quan khác

- ***Tài khoản sử dụng:***

❖ **TK 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

✓ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 5 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá*
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm*
- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- *Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá*
- *Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*

✓ Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - K/C doanh thu thuần vào TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 511 không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ":**

✓ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ Kết cấu của TK 512

Nợ	TK 512	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng SP, HH, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh.		Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 512 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

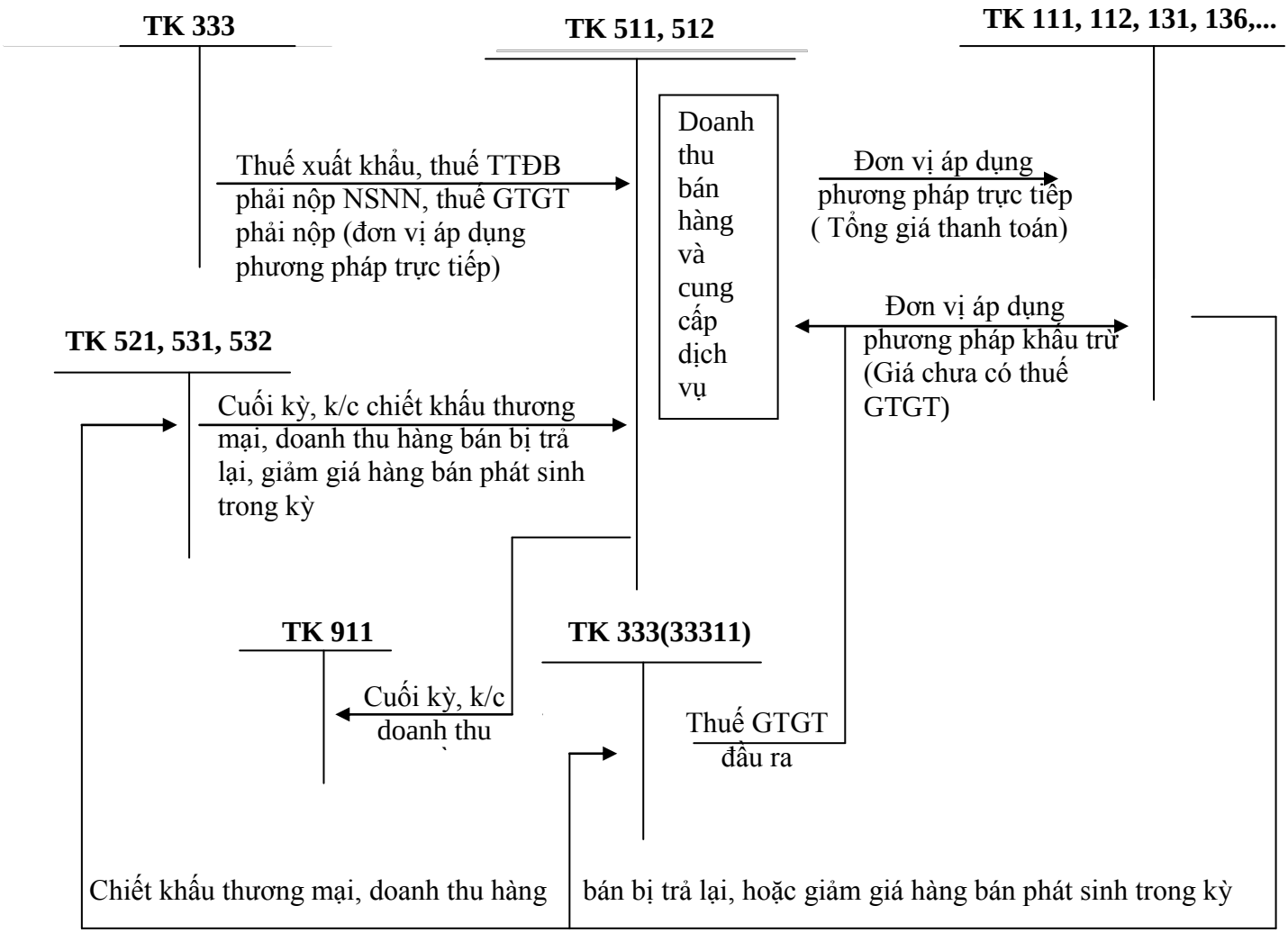

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

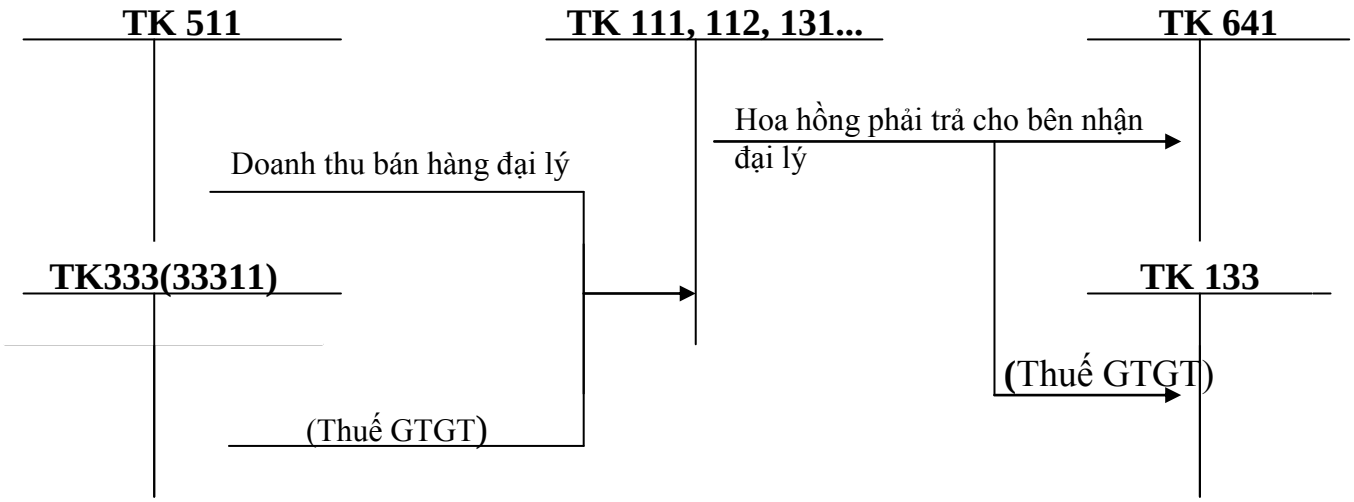

Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp

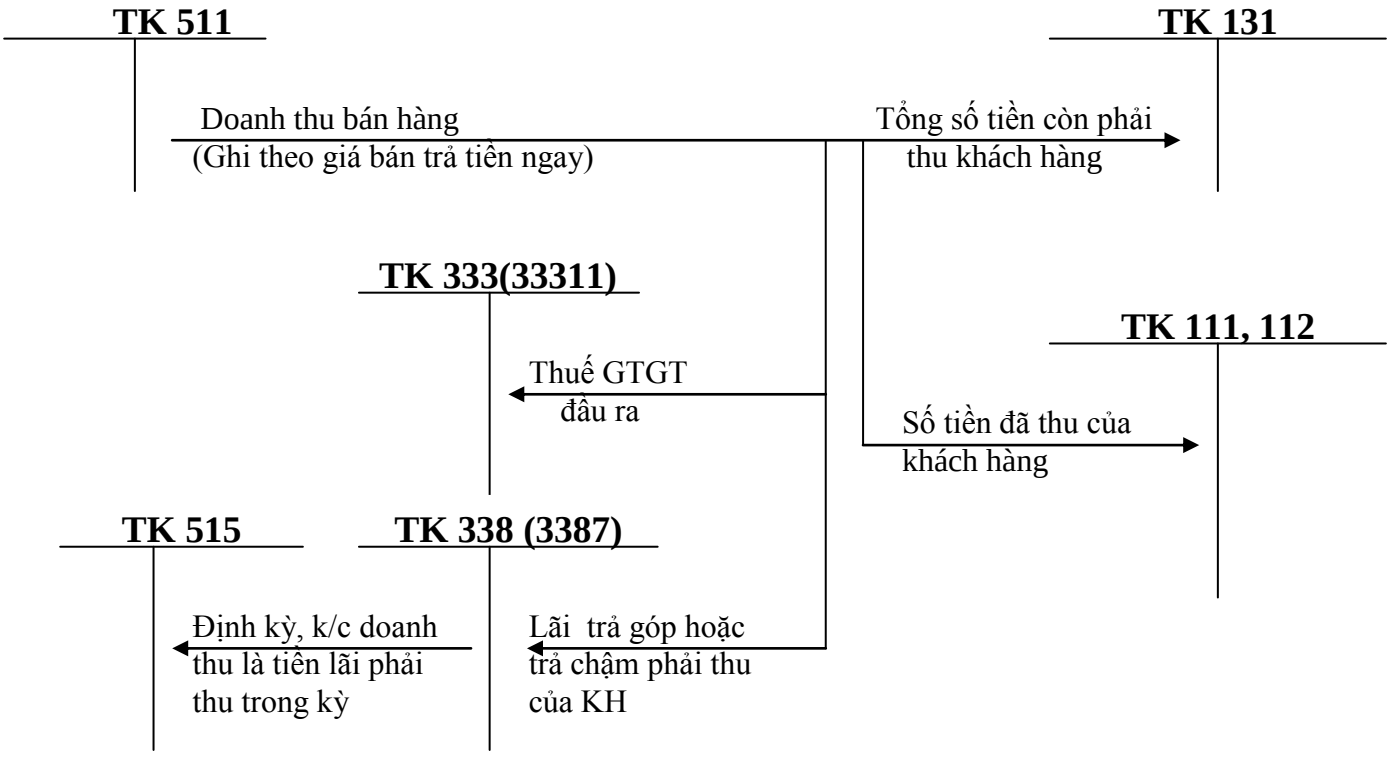

Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng

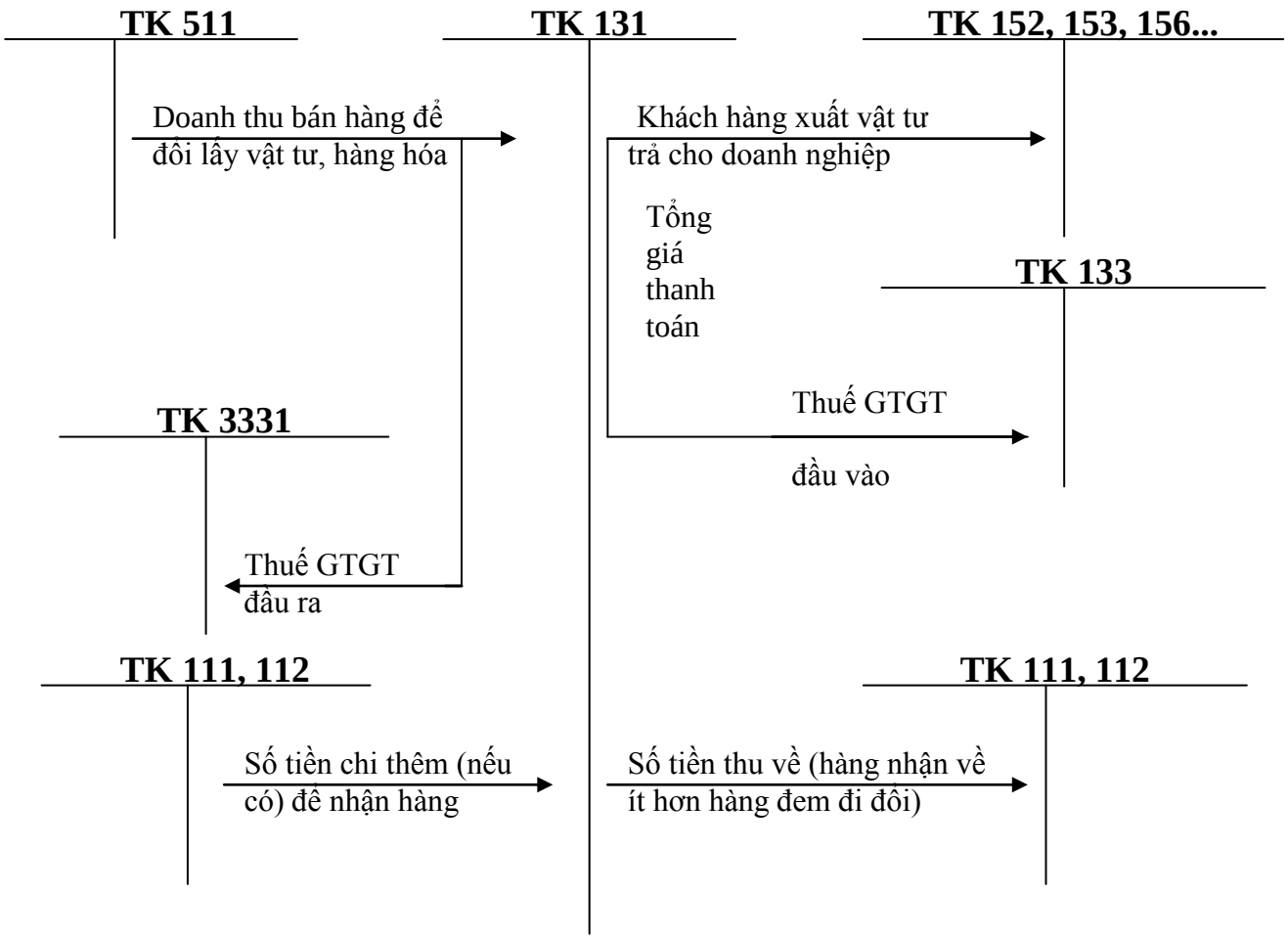

1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- ***Chứng từ sử dụng:***

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

- ***Tài khoản sử dụng***

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

- Kết cấu của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào các hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh**

TK 515 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1. 6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

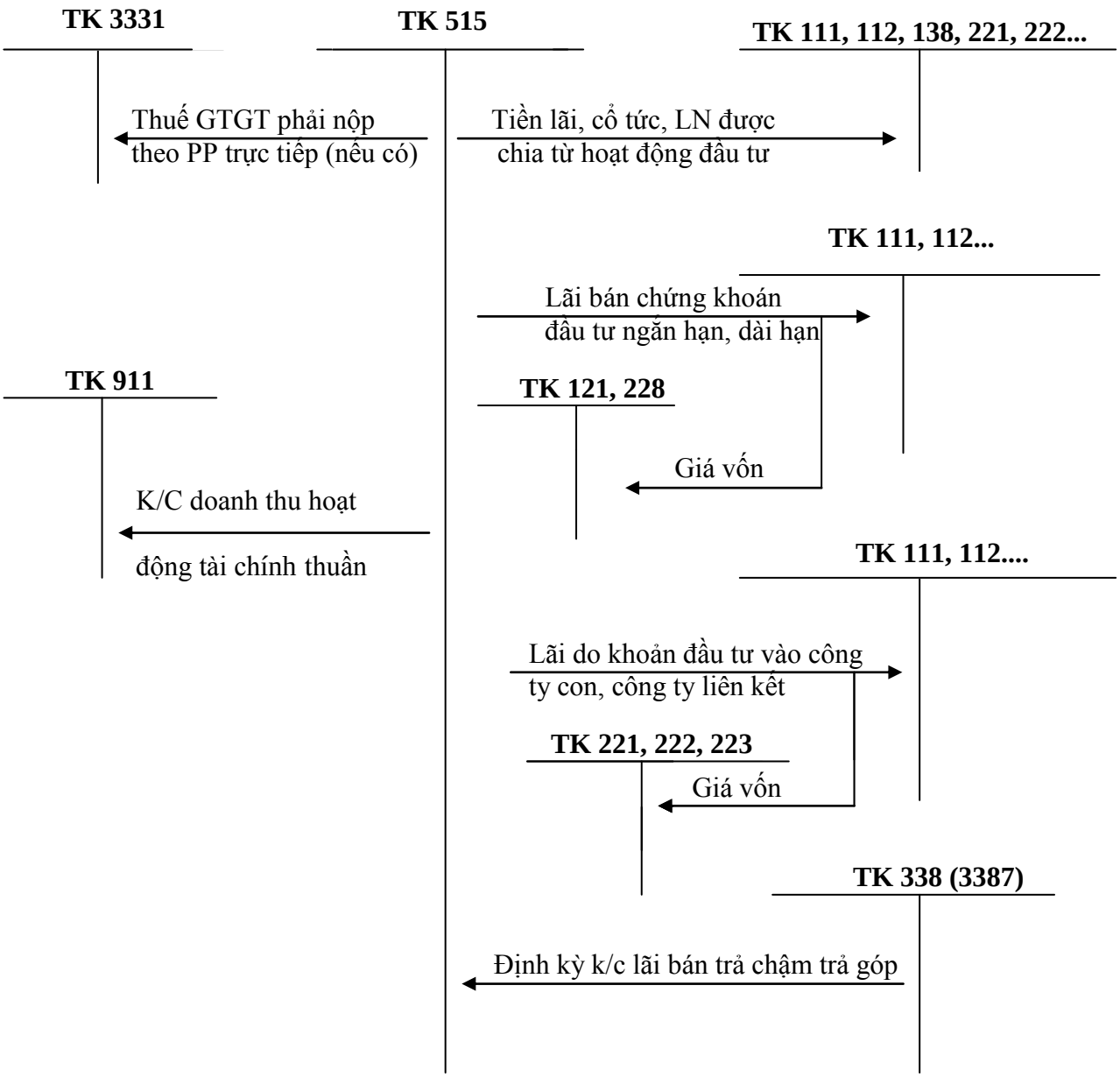

1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

- ***Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

- ***Tài khoản sử dụng:***

TK 711 " Thu nhập khác"

✓ Kết cấu của TK 711:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 711 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác

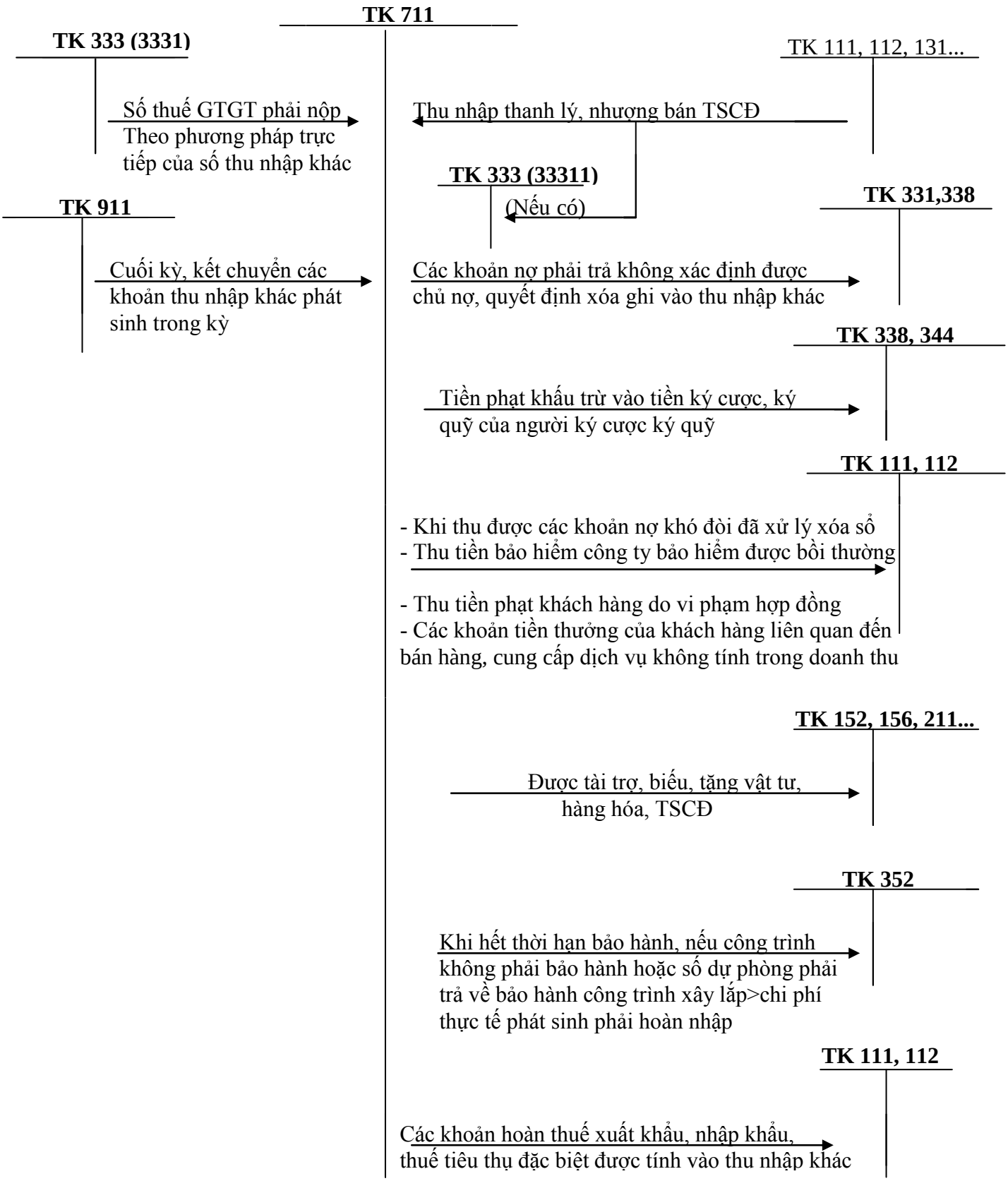

1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

Tài khoản sử dụng:

➢ **Tài khoản 521 "Chiết khấu thương mại"**

- Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
  - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
  - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
  - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ
- Kết cấu của TK 521:

Nợ TK 521 Có

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ	**Tổng số phát sinh có**

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➢ **TK 531 "Hàng bán bị trả lại"**

- Kết cấu của TK 531:

Nợ TK 531 Có

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.	- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ	**Tổng số phát sinh có**

TK 531 không có số dư cuối kỳ

➢ **TK 532 "Giảm giá hàng bán":**

✓ Kết cấu của TK 532

Nợ TK 532 Có

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.
Tổng số phát sinh nợ	**Tổng số phát sinh có**

TK 532 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại

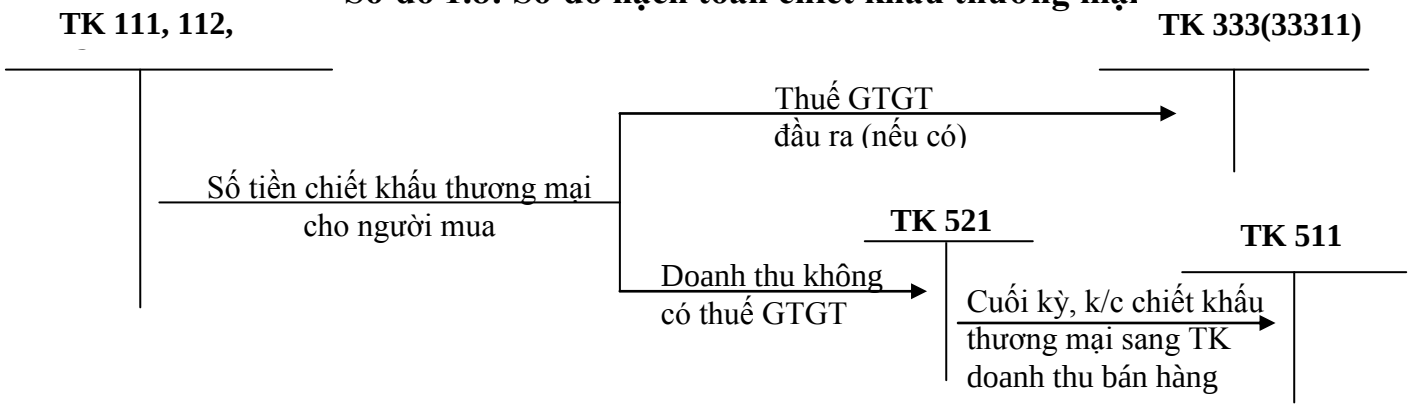

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại

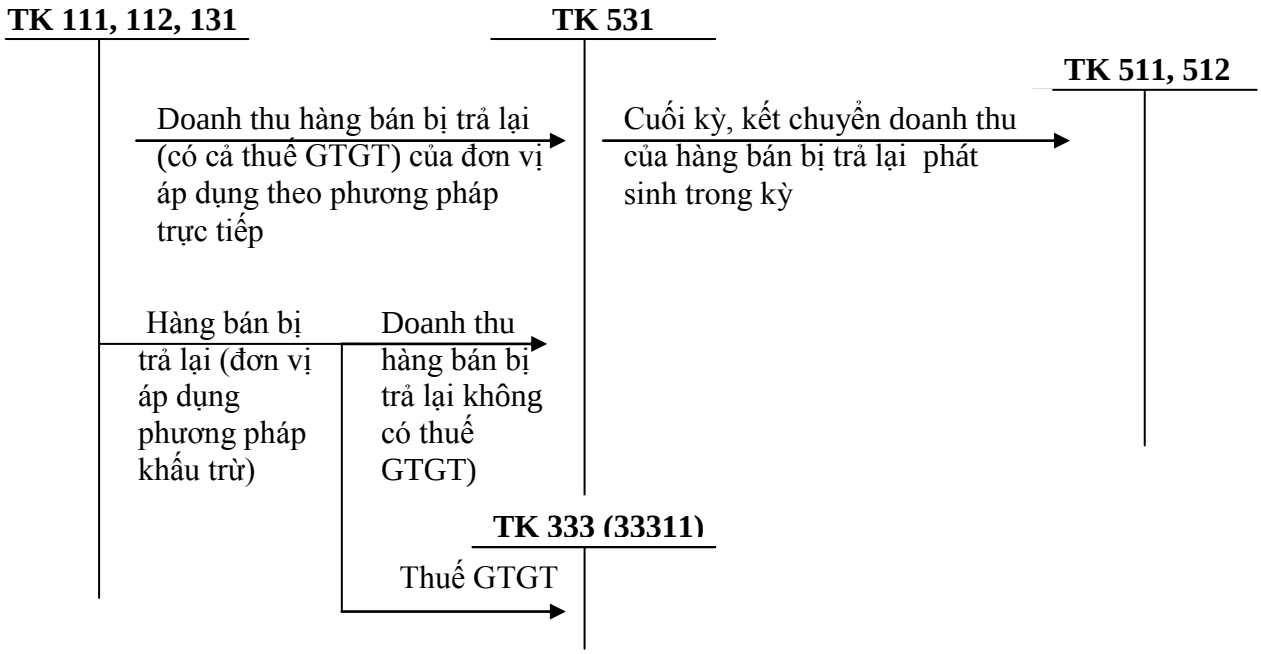

Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán

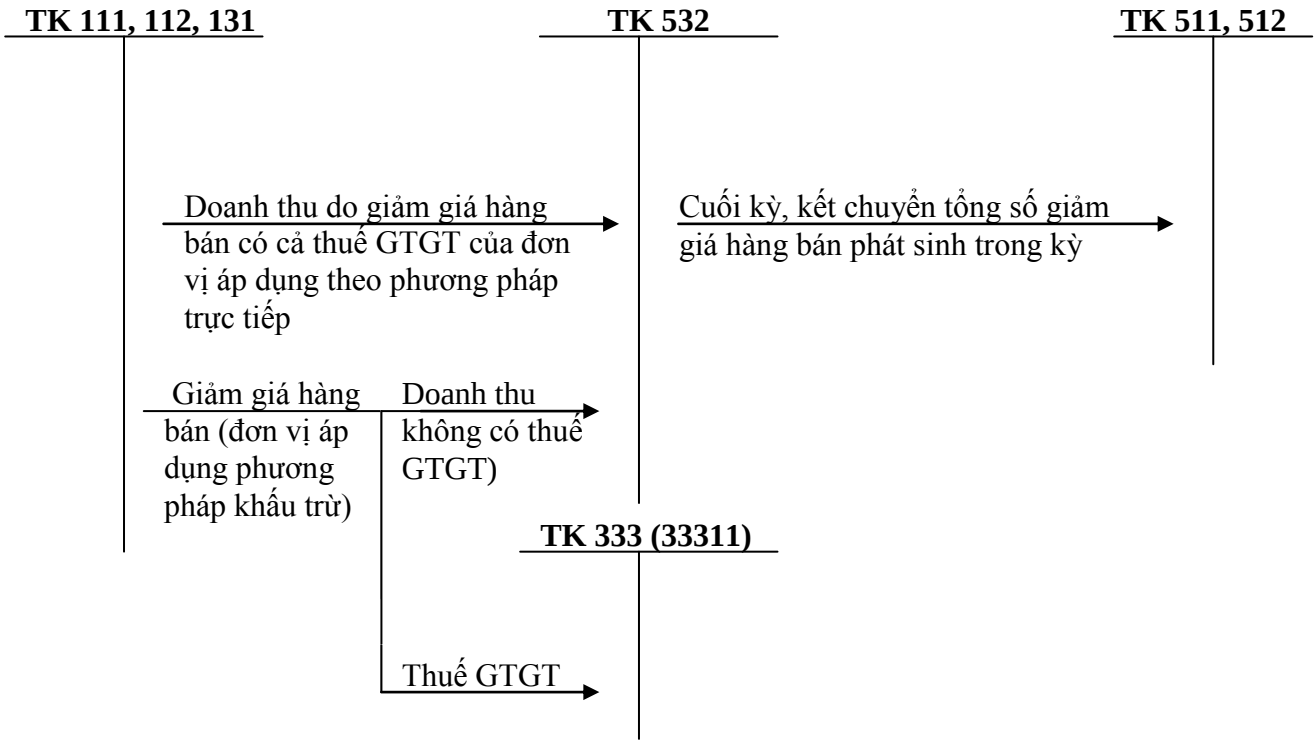

1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng * Đơn giá.

❖ ***Phương pháp tính đơn giá hàng xuất kho.***

- *Phương pháp bình quân gia quyền*:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ + Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ + Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho..

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng:***

TK 632 " Giá vốn hàng bán"

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

✓ Kết cấu nội dung TK 632:

Nợ	TK 632	Có
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh: + Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ; + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. **- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:** + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ *Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 1.11: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên

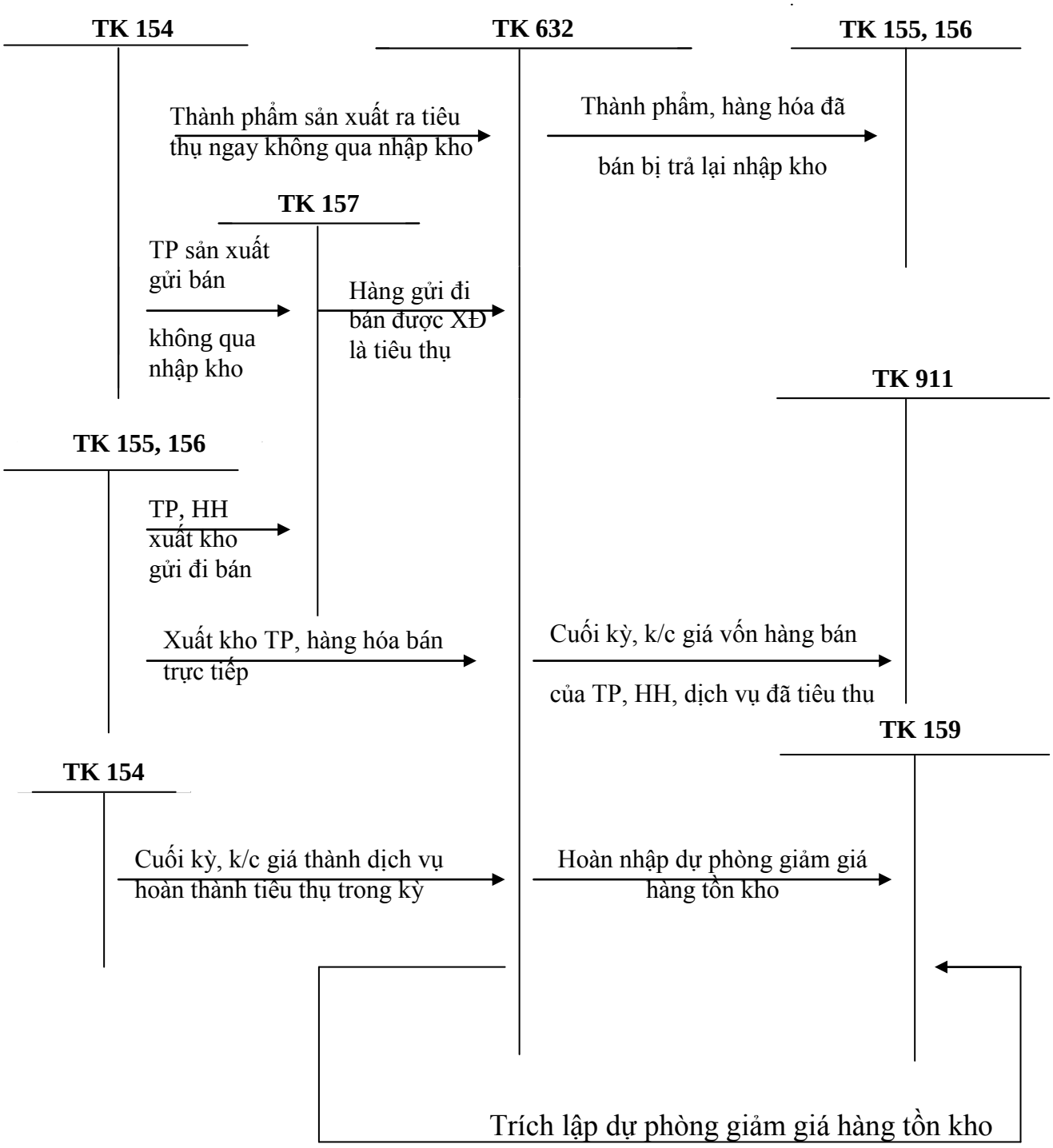

Sơ đồ 1.12 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

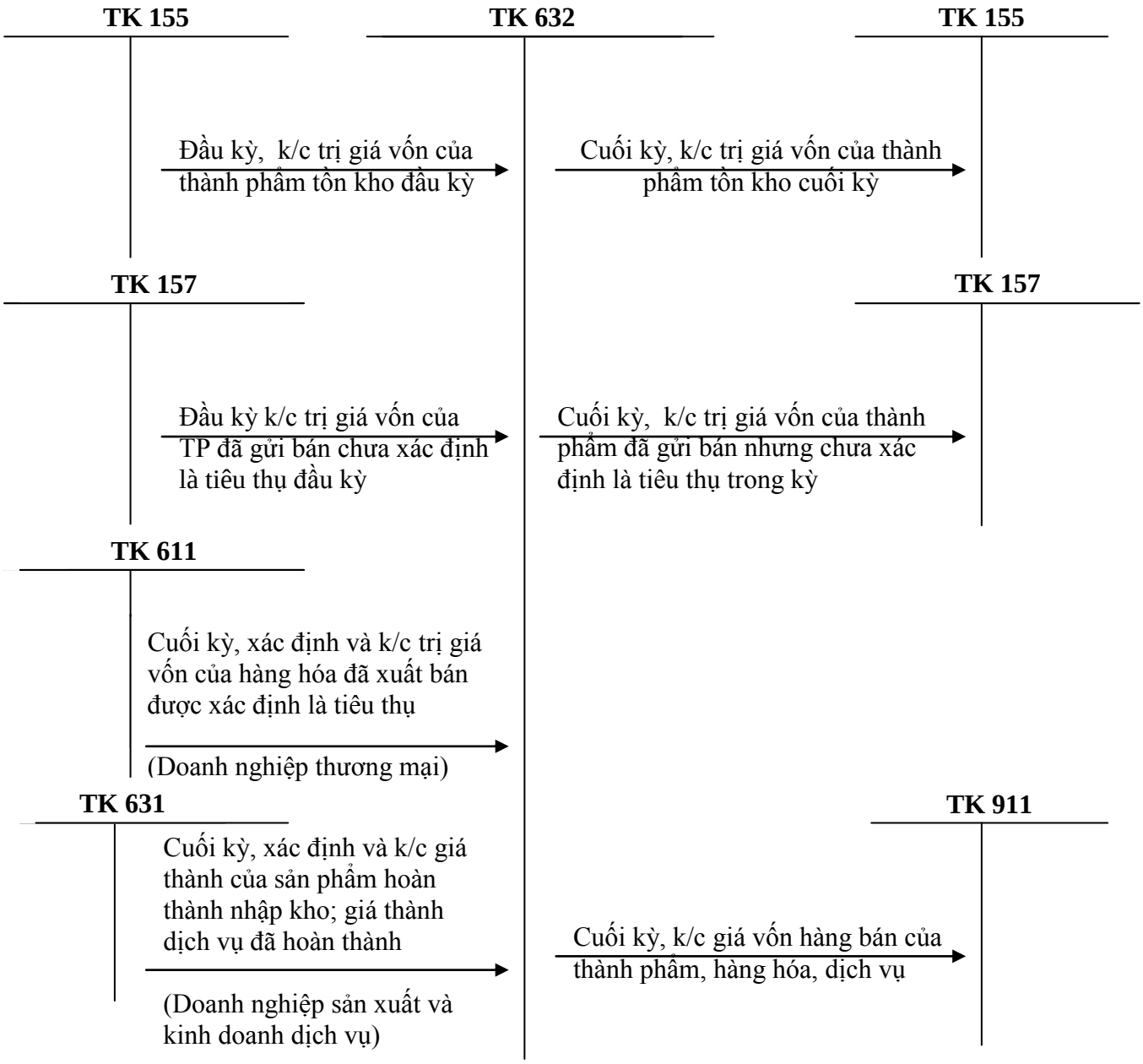

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 -TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

❖ ***Tài khoản sử dụng:***

➢ **TK 641 "Chi phí bán hàng"**

✓ Các TK cấp 2:

+ *Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên*

+ Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

+ Tài khoản 6413 - Chí phí dụng cụ, đồ dùng

+ Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành

+ Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Tài khoản 6418 - *Chi phí bằng tiền khác*

➢ **TK 642: " Chi phí quản lý doanh nghiệp**

✓ Các TK cấp 2:

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

+ TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

+ TK 6426: Chi phí dự phòng

+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

✓ Kết cấu của TK 641, 642

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Phương pháp hạch toán:***

Sơ đồ 1.13 : Kế toán chi phí bán hàng

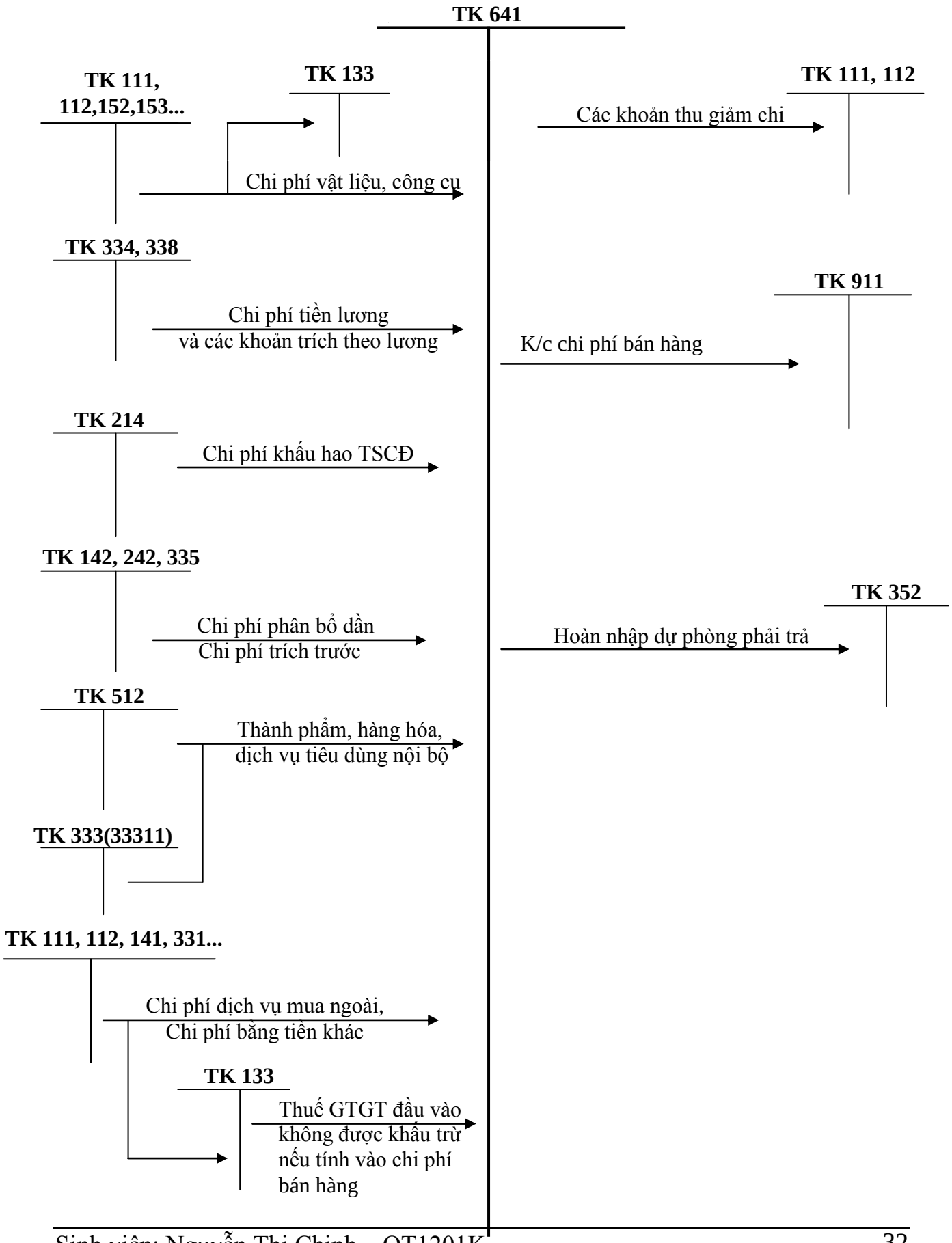

Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

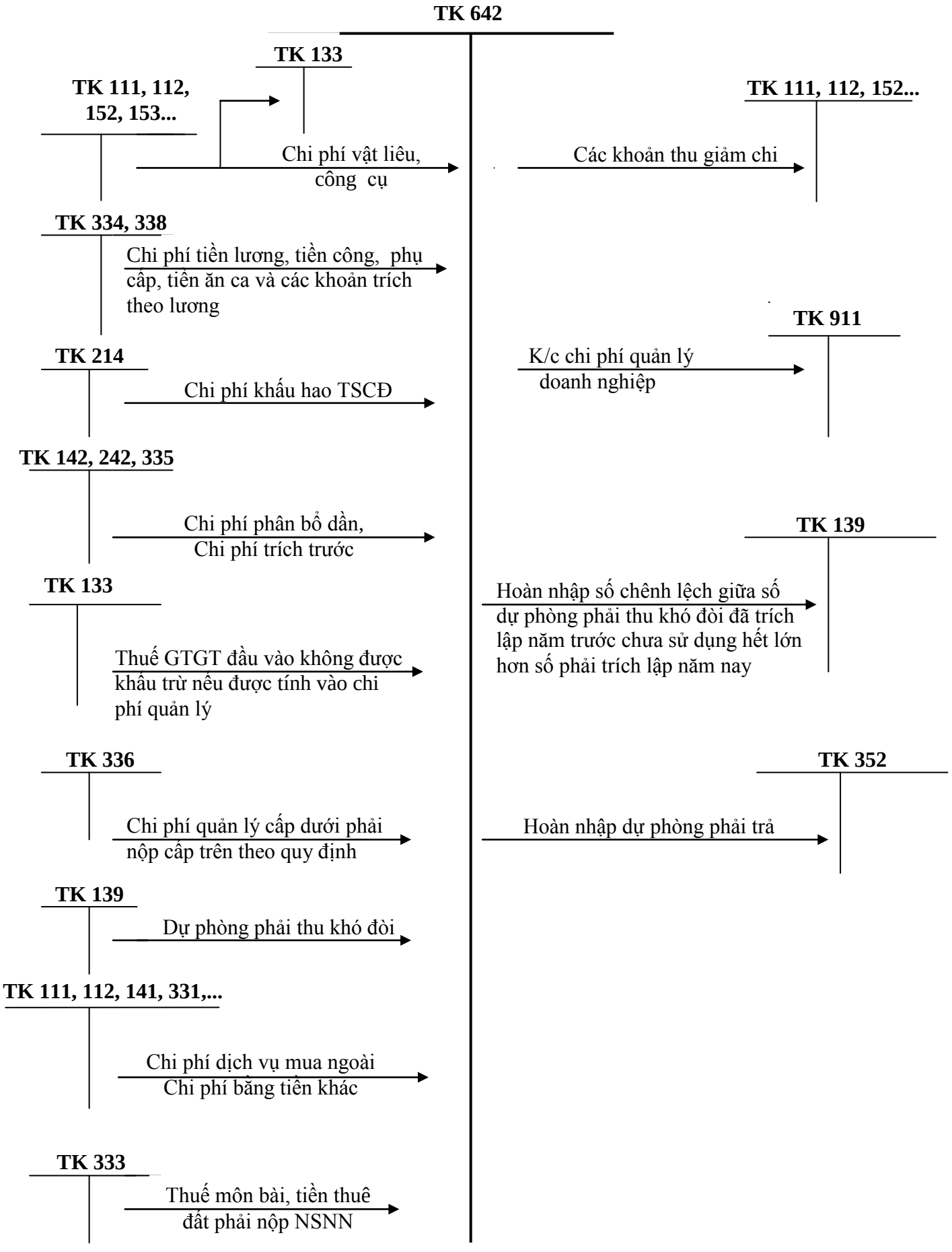

1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng:***

➢ TK 635: Chi phí tài chính

✓ Kết cấu của TK 635

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ ***Phương pháp hạch toán*:**

Sơ đồ 1.15 : Kế toán chi phí tài chính

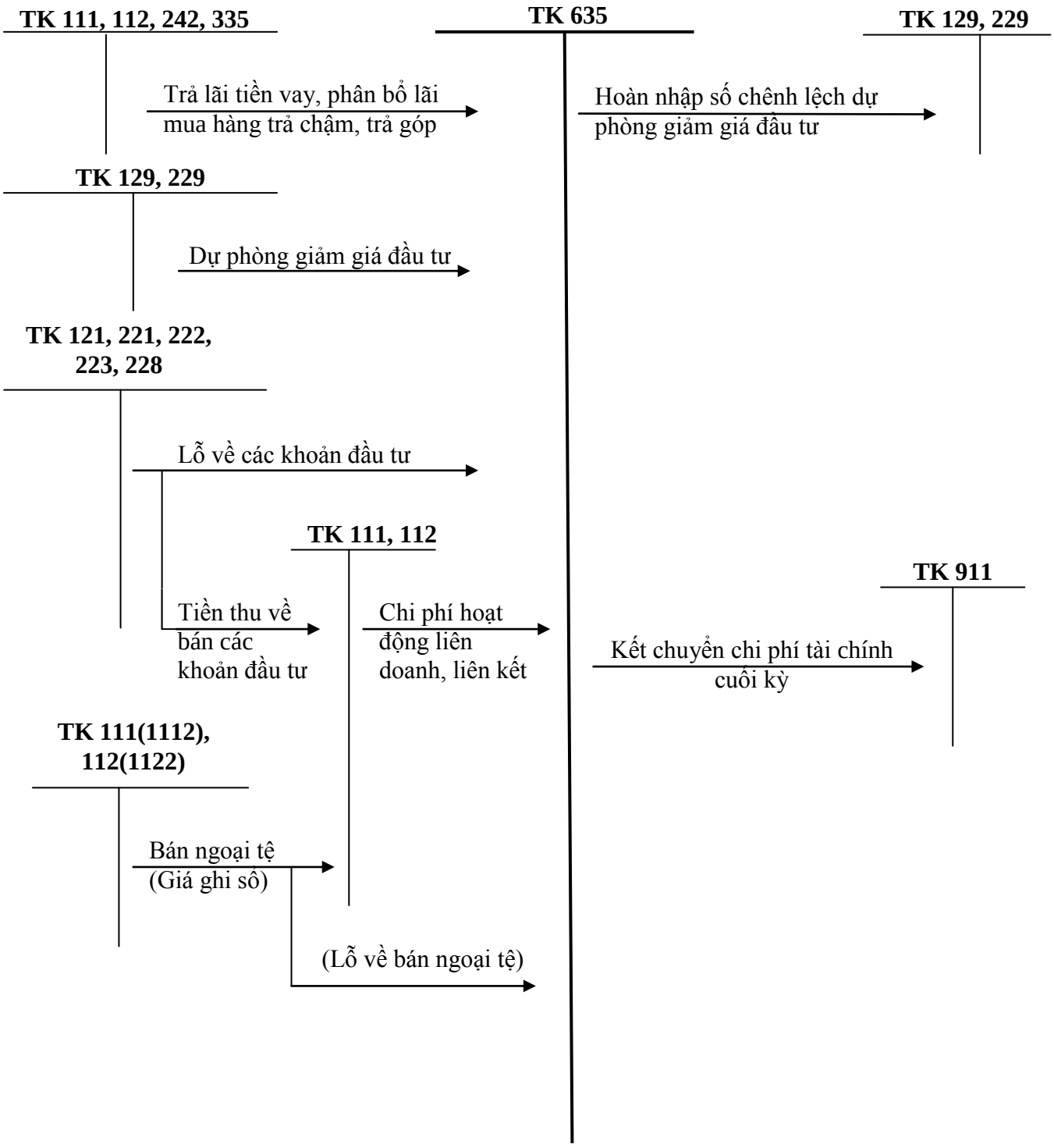

1.4.2.4. Kế toán chi phí khác:

- ***Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

- ***Tài khoản sử dụng:***

✓ Kết cấu của TK 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

- ***Phương pháp hạch toán:***

Sơ đồ 1.16 : Kế toán chi phí khác

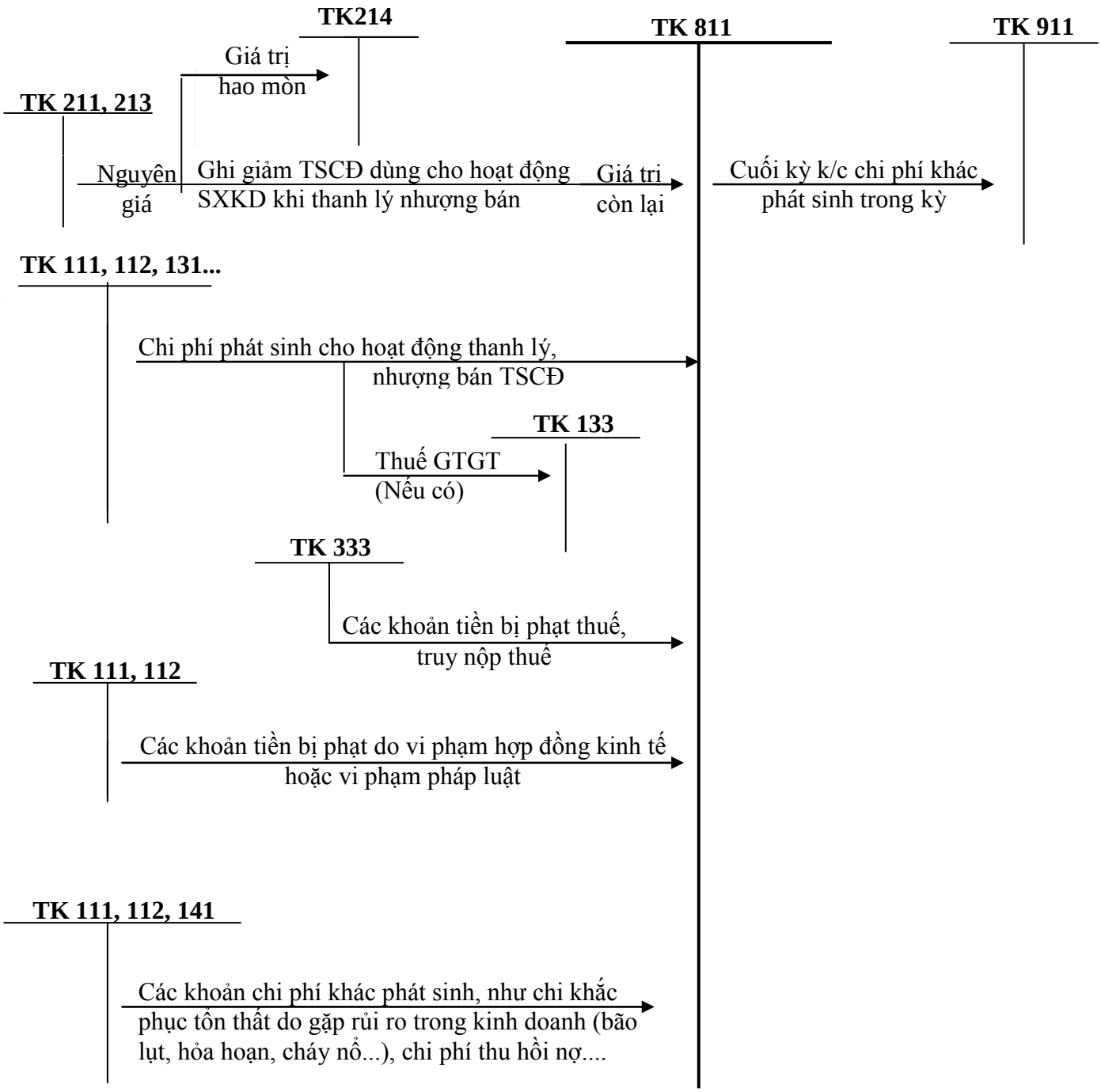

1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- ***Chứng từ sử dụng:***

  - Phiếu kế toán
  - Các chứng từ liên quan khác

- ***Tài khoản sử dụng:*** *TK 821" Chi phí thuế TNDN"*

✓ Kết cấu của TK 821 như sau:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 -"Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 .
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 821 không có số dư cuối kỳ

✓ Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;*
- *Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.*

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

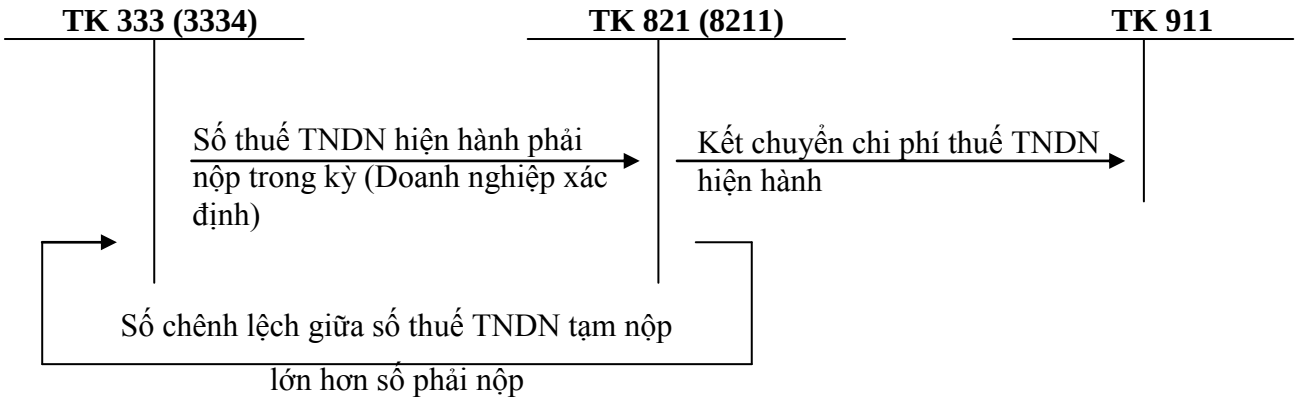

Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

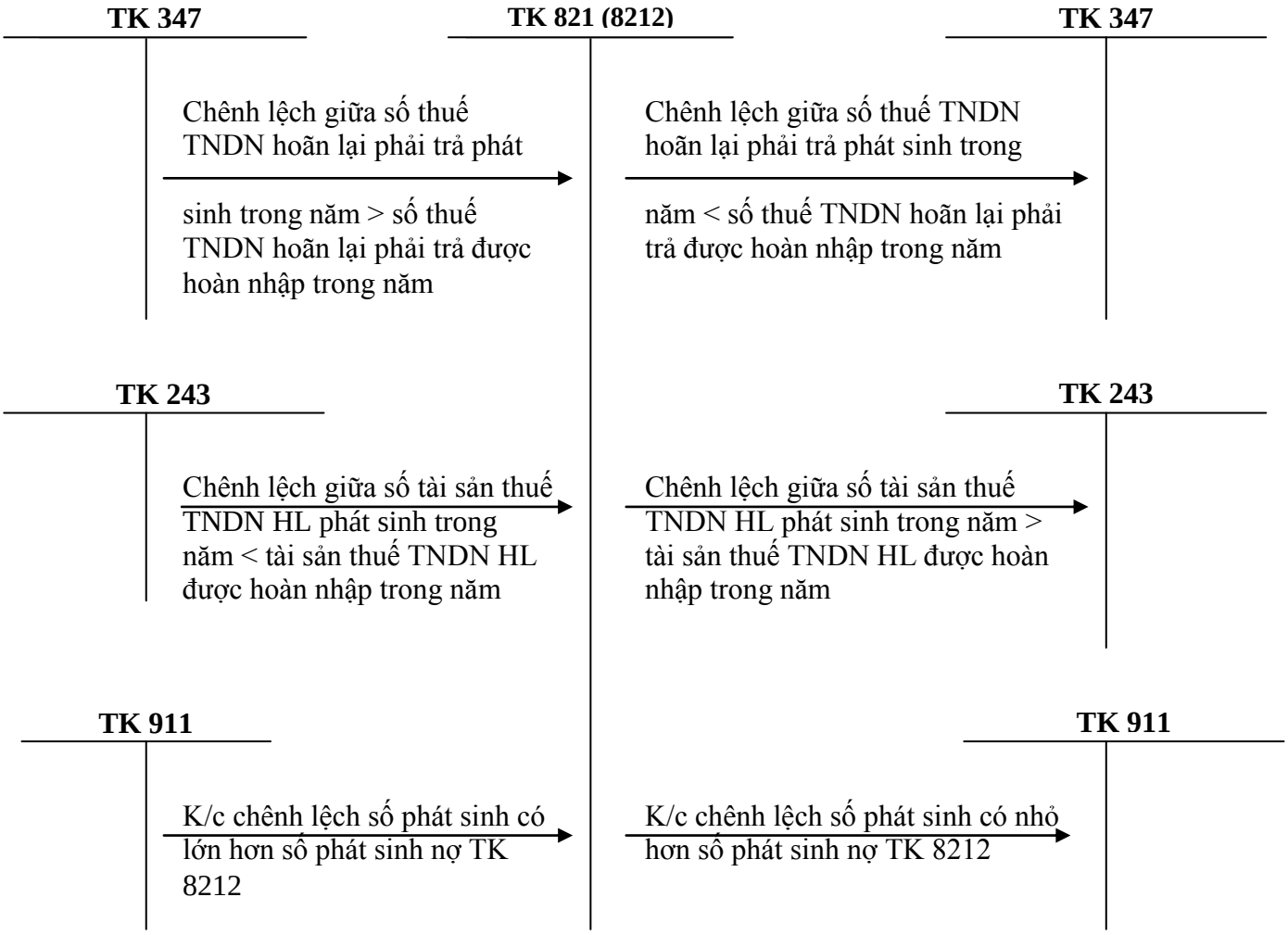

1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

- ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu kế toán

- ***Tài khoản sử dụng:***

➢ *TK 911"Xác định kết quả kinh doanh"*

TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

✓ Kết cấu của TK 911 như sau:

Nợ	**TK 911**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

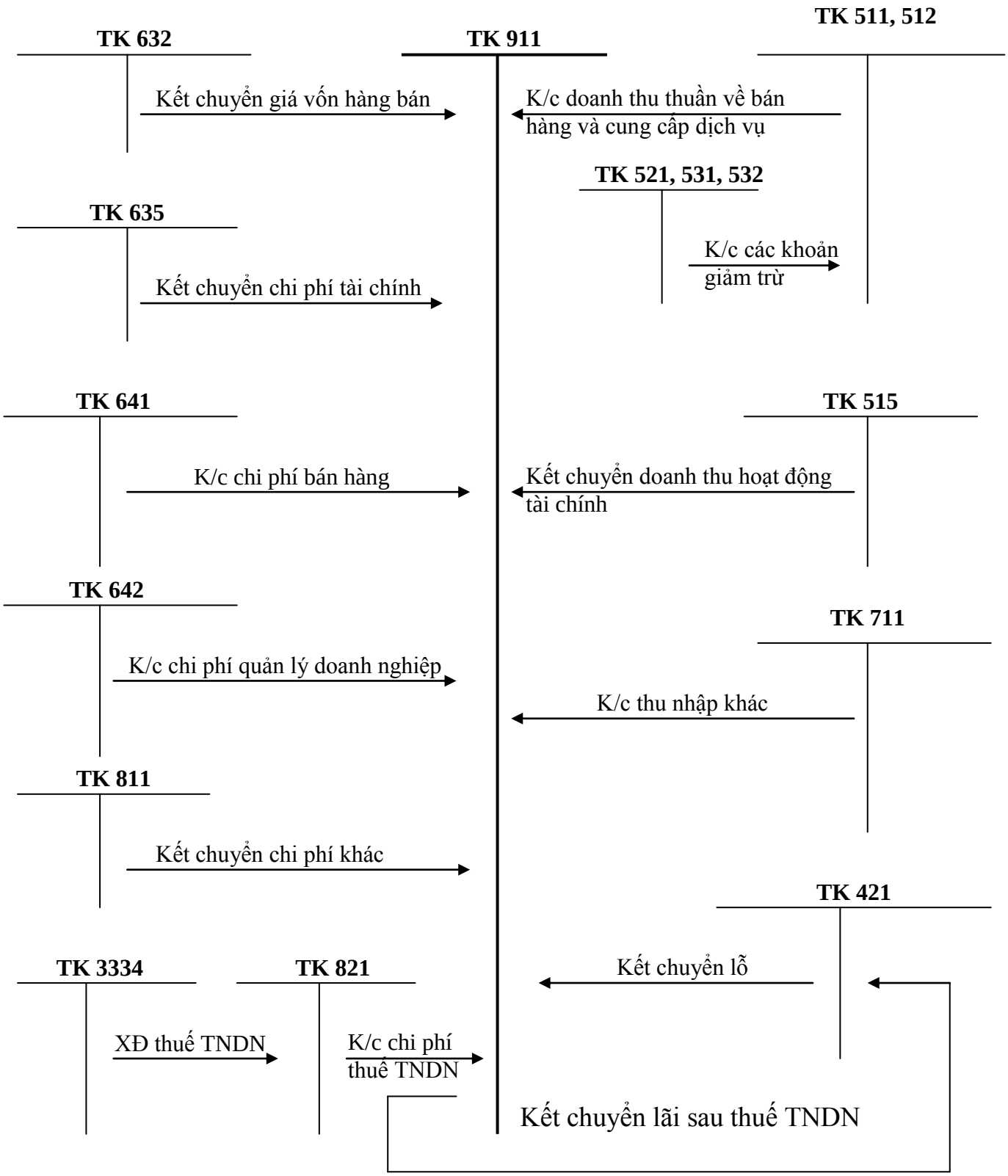

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP

2.1.1. Qúa trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP

+ Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HP

+ Tên giao dịch quốc tế : HAI PHONG ELECTRIC CONTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

+ Trụ sở chính : Số 1 Trần Tất Văn – Phù Liễn – Kiến An – Hải Phòng.

+ Điện thoại : (0313) 876 424 Hoặc (0313) 877 025.

+ Fax : (0313) 876 525.

+ Email : Hecico@hn.vnn.vn.

+ Đăng ký kinh doanh số : 0203001207 ngày 04/01/2005.

+ Mã số thuế : 0200171429.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Căn cứ vào giấy phép kinh doanh số 0203001207, công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng được tiến hành các hoạt động sau:

+ Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công các công trình điện đến cấp điện áp 35 kV.

+ Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 220 kV , và từng phần của đường dây 500kV.

+ Thi công, lắp đặt hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng công cộng, điện tự động hóa, tín hiệu, điều khiển, báo cháy phòng chống cháy nổ.

+ Sản xuất các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn, cột điện bê tông các loại.

+ Sản xuất gia công cấu kiện thép, cột điện bằng thép, các phụ kiện phục vụ xây lắp đường dây và trạm biến áp.

+ Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa tủ bảng điện, thiết bị điện công nghiệp, dân dụng, dịch vụ bảo vệ duy trì hệ thống điện.

+ Sản xuất dây và cáp điện.

+ Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng ,giao thông, thủy lợi và xây dựng cơ sở hạ tầng khác.

+ Đầu tư kinh doanh bất động sản.

+ Quản lý kinh doanh bán điện nước.

+ Đào tạo nghề kỹ thuật cơ điện lạnh và điện tử tin học.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP.

Sơ đồ 2.1: ***Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty***

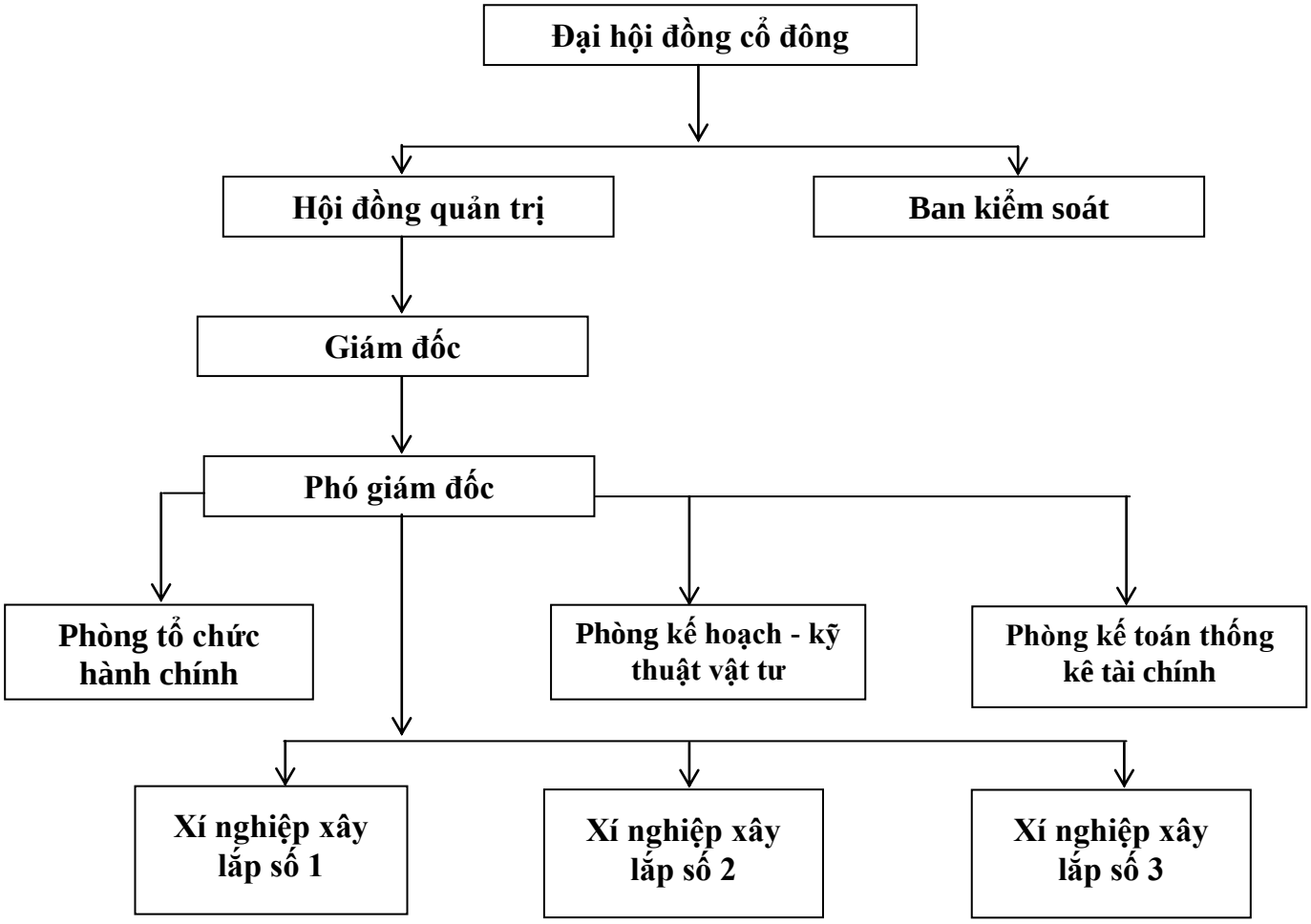

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ phận quản lý của công ty :

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của hội đồng cổ đông.

- **Hội đồng quản trị Công ty :** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công

ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

- Ban kiểm soát: Do Hội Đồng Cổ Đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về pháp luật, về những kết quả công việc của ban kiểm soát với Công ty.

- Giám đốc: Điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu mọi trách nhiệm với công ty.

- Phó giám đốc : Là người giúp cho giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động khác của công ty. Khi giám đốc đi vắng có uỷ quyền cho phó giám đốc chịu trách nhiệm trước toàn công ty.

- Phòng tổ chức hành chính: Có nhiệm vụ xây dựng các định mức trả lương cho từng loại sản phẩm đối với công nhân sản xuất và hệ số bậc lương đối với nhân viên quản lý Công ty, xây dựng quỹ lương, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong đơn vị.

- Phòng kế hoạch - kỹ thuật vật tư: Có nhiệm vụ tổng hợp cân đối yêu cầu vật tư, vật liệu cho phù hợp với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, xây dựng công trình công nghệ tạo ra sản phẩm, đồng thời xây dựng giá cả sản phẩm mới và tiêu thụ, cung ứng hàng hoá kịp thời với thị trường .

- Phòng kế toán thống kê tài chính: Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính, theo dõi toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức ghi chép những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý vốn và sử dụng vốn, lập và gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng, tổ chức bảo quản lưu trữ chứng từ .

- Các xí nghiệp: Có chức năng trực tiếp xúc tiến việc thi công công trình, hạng mục...

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP.

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung hàng đầu trong tổ chức công tác kế toán của công ty, phụ thuộc trực tiếp vào trình độ, khả năng thành thạo, đạo đức nghề nghiệp và sự phân công, phân nhiệm hợp lý của các nhân viên trong

bộ máy kế toán.Mô hình bộ máy kế toán của công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP theo hình thức kế toán tập trung và bao gồm :

- **Kế toán trưởng**: Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.
- **Kế toán tổng hợp:** Có nhiệm vụ theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo tài chính cuối kỳ.
- **Kế toán tiền lương:** Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.
- **Kế toán vật tư :** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.
- **Kế toán thanh toán:** Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.
- **Thủ quỹ**: Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ…

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

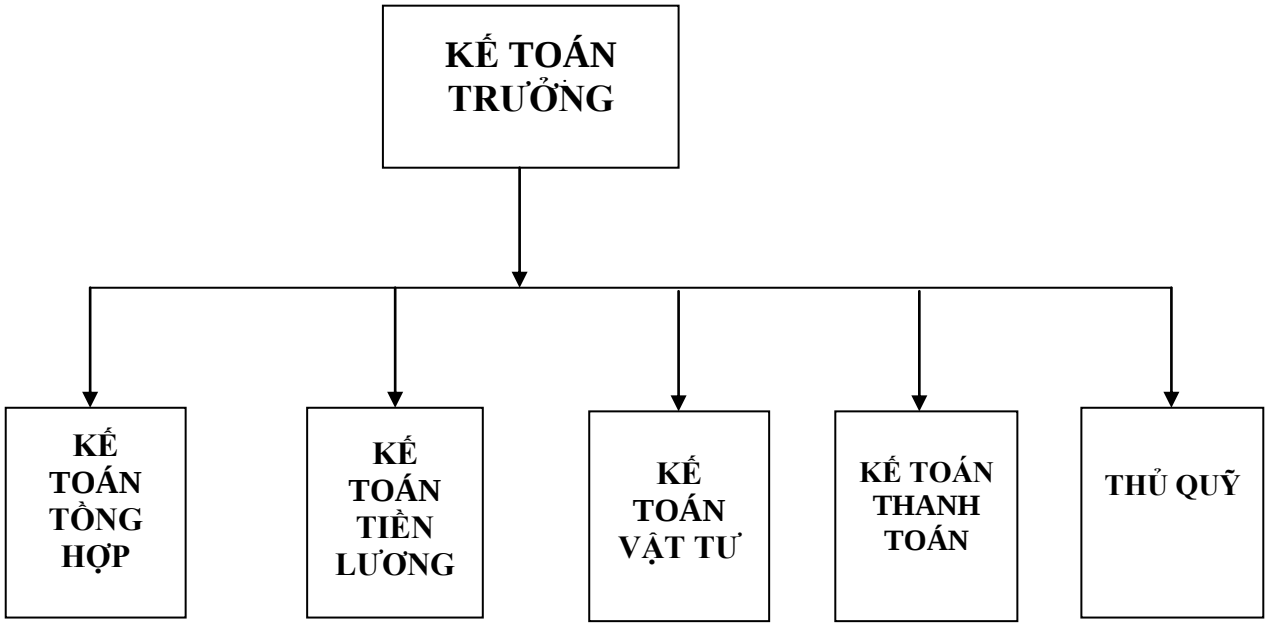

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

❖ Chế độ kế toán

Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu thực tế, công ty đã sử dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

❖ Các phương pháp kế toán

✓ Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

✓ Tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp đích danh.

✓ Hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

❖ Hình thức kế toán

✓ Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 của năm.

✓ Hình thức sổ sách kế toán áp dụng : Nhật ký chung.

✓ Đơn vị tiền tệ sử dụng : Đồng Việt Nam (VNĐ).

Sơ đồ 2.3: ***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung***

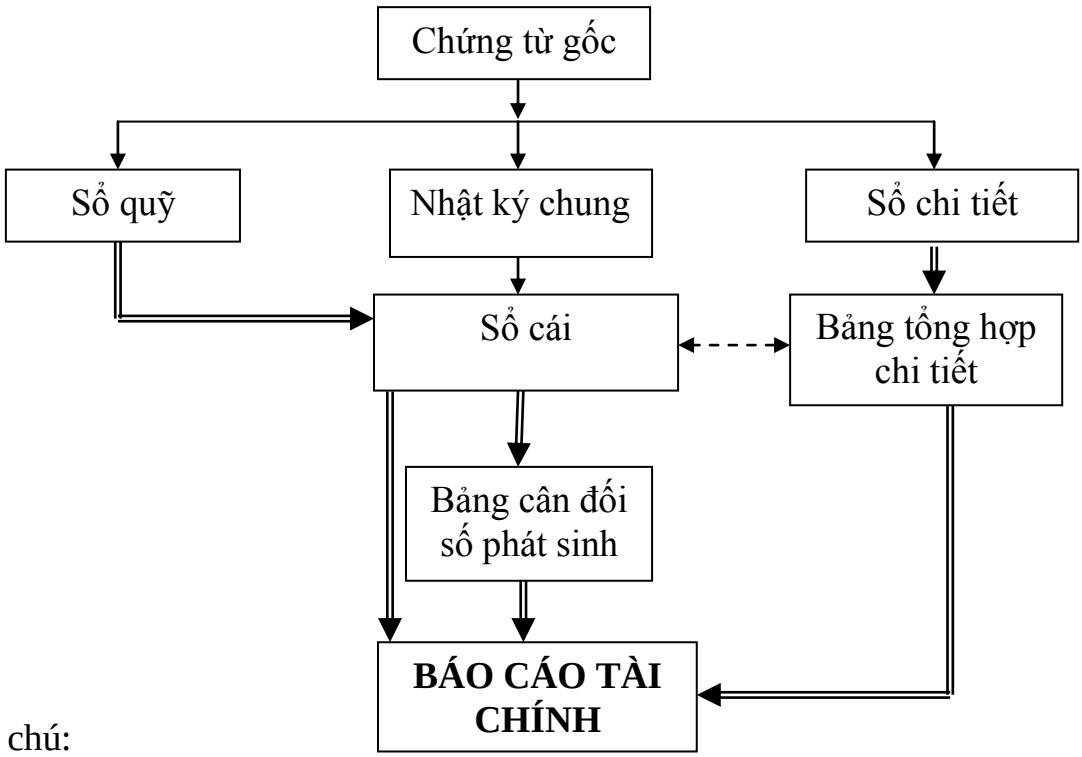

Ghi chú:

Ghi hằng ngày

Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)

Đối chiếu, kiểm tra

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

TK 511 : " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

<u>Sơ đồ 2.4</u>:Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP:

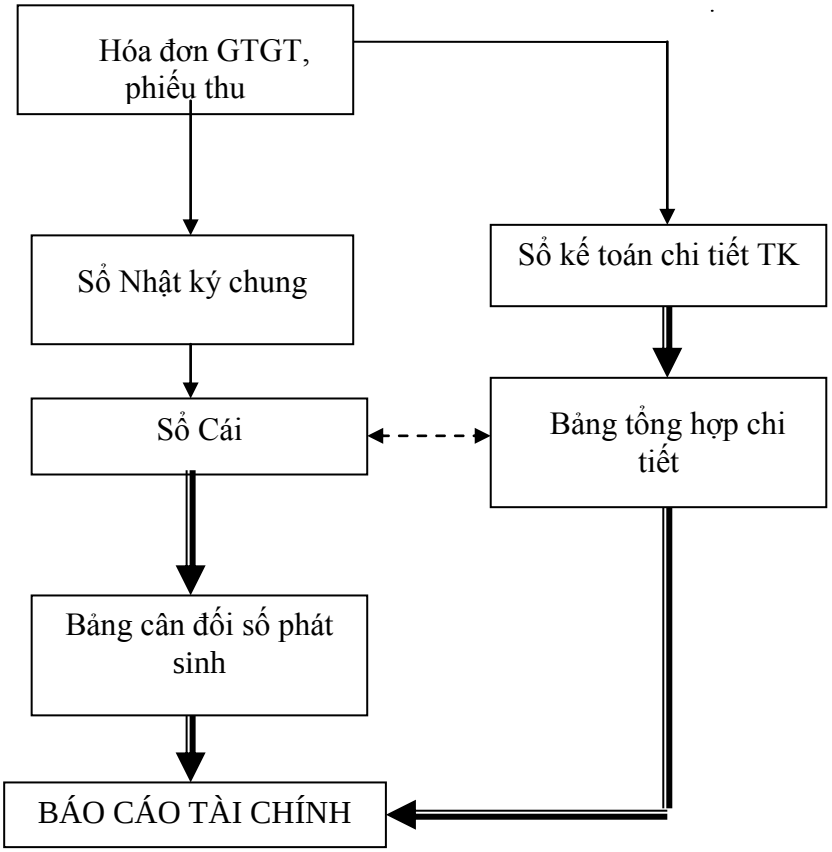

Ghi chú: ——→ Nhập số liệu hàng ngày

⟹ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

←- - - -→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng là công ty chuyên lắp đặt, sửa chữa các công trình điện, cấp thoát nước, công trình xây dựng… Khi nhận được hợp đồng của bên nhà thầu, công ty tiến hành xây dựng lắp theo điều kiện hợp đồng về thời gian thực hiện, chất lượng công trình, quy mô công trình… Sau khi hoàn thành công trình theo đúng tiến độ công ty tiến hành bàn giao công trình cho nhà thầu.

Khi bên nhà thầu chấp nhận công trình, kế toán viết hóa đơn GTGT, thu tiền, ghi nhận doanh thu.

Ví dụ minh họa :

- **Ví dụ 1:** Ngày 16/12/2011 công ty bàn giao công trình đài phun nước cho công ty cổ phần Thành Tô.

  Từ hóa đơn GTGT ghi phiếu thu, ghi sổ kế toán, ghi sổ chi tiết TK 511, sổ nhật ký chung, từ đó vào sổ cái TK 511, sổ cái TK 111, sổ cái TK 333.

- **Ví dụ 2 :** Ngày 27/12/2011 công ty bàn giao công trình cấp thoát nước Trì An cho ban quản lý dự án công trình Trì An

  Hóa đơn GTGT, kế toán ghi sổ chi tiết TK 511, ghi sổ Nhật ký chung. Kế toán ghi sổ cái TK 511 và sổ cái TK 131.

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG AA/11P

Liên 3: (Lưu nội bộ) 0069936

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 1 Trần Tất Văn - Phù Liễn - Kiến An - HP

Tài khoản:……

Điện Thoại: MST: 0200171429

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty cổ phần Thành Tô.

Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng.

Số tài khoản:……

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0200421693

STT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Công trình đài phun nước		1	35.815.455	35.815.455
Cộng tiền hàng:					35.815.455
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					3.581.545
Tổng tiền thanh toán:					39.397.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG AA/11P

Liên 3: (Lưu nội bộ) 0069949

Ngày 27 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 1 Trần Tất Văn - Phù Liễn - Kiến An - HP

Tài khoản:……

Điện Thoại: MST: 0200171429

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: Ban quản lý dự án công trình Trì An

Địa chỉ: Mỹ Đồng – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

Số tài khoản:……

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0200442069

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Công trình cấp thoát nước		1	142.566.300	142.566.300
Cộng tiền hàng:					142.566.300
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					14.256.630
Tổng tiền thanh toán:					156.822.930
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn chín trăm ba mươi đồng.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Đơn vị:Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP

Bộ phận: Kế toán

PHIẾU THU Quyển số: 23

Ngày 16 tháng 12 năm 2011 Số: 128

Nợ TK 111: 39.397.000VND

Có TK 511: 35.815.455VND

Họ tên người nộp tiền: Anh Vương Có TK 3331: 3.581.545VND

Địa Chỉ: Kiến An – Hải Phòng.

Lý do thu: Thu tiền công trình

Số tiền: 39,397,000

Viết bằng chữ : Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng (Ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký,ghi họ tên)	Người lập (Ký,ghi họ tên)	Thủ quỹ (Ký,ghi họ tên)	Người nộp (Ký,ghi họ tên)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn - Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Đối tượng từ xây lắp)
Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
……	……..	……..	……	…….	…….
HĐ0069936	16/12	Quyết toán công trình lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Tô	111		35.815.455
HĐ0069949	27/12	Quyết toán công trình Trì An	131		156.822.930
…….	……	……..	……..	……	……
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh	911	7.455.390.353	
		Cộng phát sinh		**7.455.390.353**	**7.455.390.353**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
..…	…..	…….	…..	……	……..
HĐ0069936	16/12	Quyết toán công trình lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Tô	111	35.815.455	
			511		35.815.455
		Thuế GTGT phải nộp	111	3.581.545	
			3331		3.581.545
PKT83	16/12	Kết chuyển giá vốn công trình lắp đặt hệ thống nước Thành Tô	632	25.646.915	
			154		25.646.915
…….	…….	……..……	…	**.....**	……
HĐ0069949	27/12	Quyết toán công trình cấp thoát nước Trì An	131	142.566.300	
			511		142.566.300
		Thuế GTGT phải nộp	131	14.256.630	
			3331		14.256.630
PKT 88	27/12	Kết chuyển giá vốn công trình Trì An	632	119.525.313	
			154		119.525.313
…..	……	……	……	……	…….
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	511	7.455.390.353	
			911		7.455.390.353
PKTT115	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	515	131.629	
			911		131.629
PKT116	31/12	Kết chuyển chi phí GVHB	911	6.639.172.228	
			632		6.639.172.228
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	226.551.383	
			642		226.551.383
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Số 1 Trần Tất Văn - Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CÁI

Tài Khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
…….	……	……	…..	……..	……
HĐ0069936	16/12	Quyết toán công trình lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Tô	111		35.815.455
……	…..	…….	…..	……	…….
HĐ0069949	27/12	Quyết toán công trình Trì An	131		142.566.300
……..	…..	……..	….	……	…….
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh	911	7.455.390.353	7.455.390.353
		Cộng phát sinh		**7.455.390.353**	**7.455.390.353**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 111 : Tiền mặt.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		**272.382.043**	
….	……	……..	….	……	……
PC 160	10/12	Tháng toán lương văn phòng	334		44.452.500
HĐ0069918	12/12	Thanh toán tiền cước điện thoại di động	642		106.181
			133		10.618
HĐ0069936	16/12	Quyết toán công trình:Lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Đô.	511	35.815.455	
		Thuế GTGT pải nộp	3331	3.581.545	
HĐ0069939	17/12	Thanh toán tiền cước điện thoại di động	642		486.083
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		48.608
……	……	…….	……	…….	……
PC8	21/12	Chi tiền tiếp khách	642		958.182
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		95.818
PC2	23/12	Chi nộp thuế môn bài	3338		1.500.000
HĐ0069940	24/12	Thanh toán tiền cước dịch vụ điện thoại	642		127.503
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		12.750
HĐ0069942	24/12	Thanh toán tiền cước dịch vụ điện thoại	642		291.323
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		29.132
…..	……	……	….	……..	…….
		Cộng số phát sinh		**3.053.440.000**	**2.710.643.698**
		Số dư cuối kỳ		**615.178.345**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		**310.632.000**	
….	……	…….	….	……	……
GBC	22/12	Công ty TNHH Mai Anh thanh toán tiền công trình.	112		9.169.000
GBC	23/12	Quyết toán công trình cống thoát nước cho công ty TNHH Tân Phú	112		7.762.000
PT15	25/12	Công ty cổ phần Hưng Gia thanh toán tiền công trình	111		14.043.000
PT17	27/12	Quyết toán công trình Trì An	511	142.566.300	
			3331	14.256.300	
……	……	……..	…..	…….	……
		Cộng phát sinh		**546.200.000**	**230.974.000**
		Số dư cuối kỳ		**625.858.000**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP.

Gía vốn dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan…

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 632 : Gía vốn hàng bán.

2.2.2.3. Trình tự hạch toán

Khi công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình:

Nợ TK 111,112,131,…

Có TK 511

Có TK 3331

Nợ TK 632

Có TK 154

<u>Sơ đồ 2.5 :</u> Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán

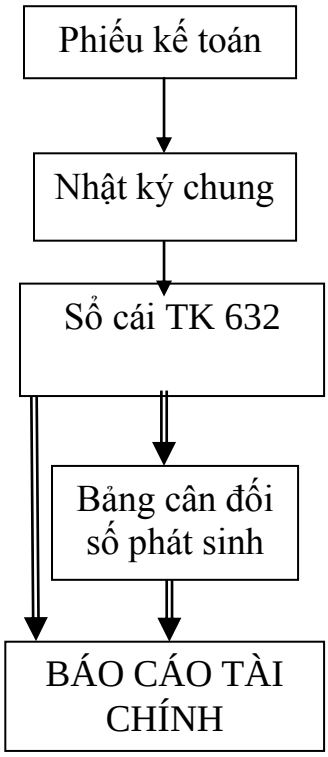

Ghi chú:

Ghi hằng ngày

Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)

Ví dụ minh họa :

Từ ví dụ 1, kế toán ghi nhận doanh thu công trình cấp thoát nước Thành Tô, Trì An.Đồng thời kế toán nghi nhận giá vốn công trình, sổ chi tiết TK 632. Sau đó kế toán ghi sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632.

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 212

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
Kết chuyển giá vốn công trình Thành Tô	632	154	25.646.915
Cộng			25.646.915

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 22

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
Kết chuyển giá vốn công trình cấp thoát nước Trì An	632	154	119.525.313
Cộng			119.525.313

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
……	…..	…….	…..	……	……..
HĐ0069936	16/12	Quyết toán công trình Thành Tô.	131	35.815.455	
			511		35.815.455
		Thuế GTGT phải nộp	131	3.581.545	
			3331		3.581.545
PKT21	16/12	Kết chuyển giá vốn công trình lắp đặt hệ thống nước Thành Tô.	632	25.646.915	
			154		25.646.915
……..	……	……..	….	……	……
PKT22	27/12	Kết chuyển giá vốn công trình Trì An.	632	119.525.313	
			154		119.525.313
……	……	……..	….	…….	……
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	511	7.455.390.353	
			911		7.455.390.353
PKT115	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	131.629	
			911		131.629
PKT116	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán.	911	6.639.172.228	
			632		6.639.172.228
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	911	226.551.383	
			642		226.551.383
……..	…… …	……..	….	……..	……
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 632: Gía vốn hàng bán.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
…..	….	…….	….	……	……
PKT22	16/12	Kết chuyển giá vốn công trình lắp đặt hệ thống nước Thành Tô.	154	25.646.915	
PKT24	27/12	Kết chuyển giá vốn công trình Trì An.	154	119.525.313	
…..	….	…….	…	……..	……
PKT116	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán.	911		6.639.172.228
……..	……..	……	…..	…….	…….
		Cộng phát sinh		**6.639.172.228**	**6.639.172.228**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ và giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 515 : " Doanh thu hoạt động tài chính "

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

2.2.3.3. Trình tự hạch toán

Khi nhận được giấy báo có, sổ phụ của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung, từ đó kế toán vào sổ cái TK 515.

<u>Sơ đồ 2.6 :</u> Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

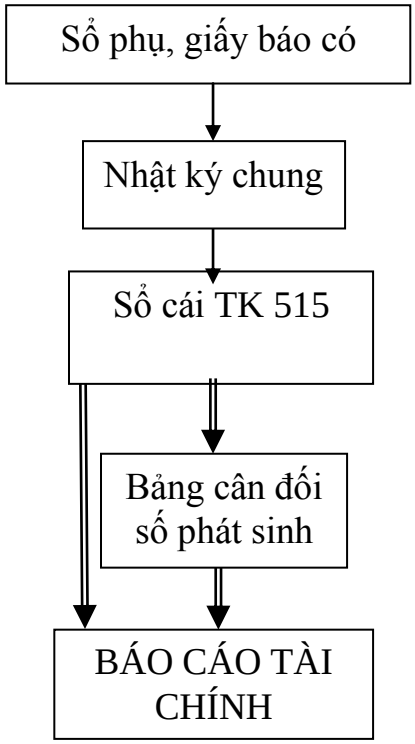

Ghi chú:

Ghi hằng ngày ⟶

Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý) ⟹

Ví dụ minh họa :

Ngày 31/12/2011 công ty nhận được sổ chi tiết tài khoản khách hàng của ngân hàng, giấy báo có, kế toán vào sổ chi tiết TK 515, bảng kê tiền gửi ngân hàng. Sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, vào sổ cái TK 515, sổ cái TK 112.

VIBANK Mã GDV : FTCR
Ngân hàng quốc tế Mã KH :0072771
Số GD :1256

GIẤY BÁO CÓ
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi : Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi Có :

Số tiền bằng số : 131.692

Số tiền bằng chữ : Một trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng.

Nội dung : ## Lãi nhập gốc ##

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
…	…..	…….	…..	……	……..
PT26	29/12	Vay ngăn hạn	111	100.000.000	
			331		100.000.000
GBC	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền mặt.	112	131.629	
			515		131.629
GBN	31/12	Thu phí dịch vụ Mobile banking	642	20.000	
			112		20.000
…….	……	……..	…	…….	……
PKT115	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính.	515	131.629	
			911		131.629
PKT116	31/12	Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán.	911	6.639.172.228	
			632		6.639.172.228
……	…..	……..	…..	……	……
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	226.551.383	
			642		226.551.383
…….	…….	……	…..	……..	……
PKT118	31/12	Xác định Thuế TNDN	821	11.716.248	
			3334		11.716.248
PKT119	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911	11.716.248	
			821		11.716.248
PKT120	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế.	911	35.148.743	
			421		35.148.743
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
GBC	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi.	112		131.629
PKT115	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	131.629	
		Cộng phát sinh		**131.629**	**131.629**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí tài chính.

Do nguồn vốn chủ sở hữu không đủ để duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh nên công ty đã huy động vốn bằng nhiều cách trong đó có việc đi vay tiền từ các tổ chức tài chính, việc ghi nhận vào chi phí tài chính liên quan đến các tài khoản:

- Trả lãi tiền gửi ngân hàng
- Hạch toán chênh lệch tỷ giá

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán...

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán

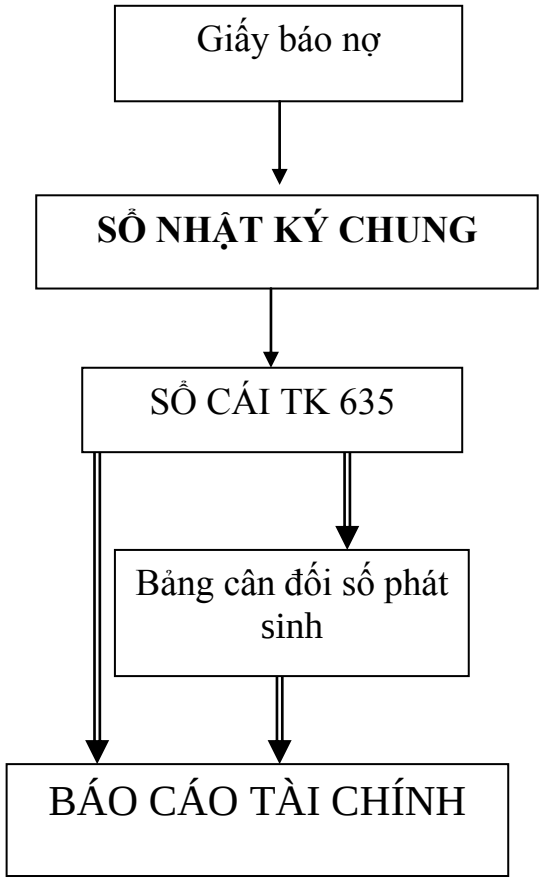

Chú thích:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi định kỳ: ⟹

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan đến các khoản lãi tiền vay ngân hàng phải trả để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 635.

2.2.4.4. Ví dụ

Ví dụ: Ngày 30/12/2011, Ngân hàng Quốc tế gửi Phiếu báo nợ thông báo thu tiền lãi vay tháng 12.

Phiếu báo nợ ngân hàng

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

PHIẾU BÁO NỢ
RECEIPT ADVICE

Số (Seq. No./Ref No.): **CL- 00142**
Ngày (date): 30/12/2011
Giờ (time): 22:56:55

Chi nhánh (Branch name): 009

Mã số thuế (Tax code): 0100233488-002
Tên khách hàng: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng
(Client Name)
Số hợp đồng: **0000450263**
(Loan No)
Mã khách hàng: 00176110
(Client No)
Mã số thuế: 0200171429
(Tax Code)
Tài khoản ghi Nợ: 009704060021728
(Debit account)
Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số tiền thu nợ: 26,087,569 VND
(Amount)
Tran Seq No: 1003954476
Số tiền bằng chữ: *Hai mươi sáu triệu tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng.*
(Amount in word) *(Twenty-Six Million Eighty-Seven Thousand Five Hundre Sixty-Nine) VND.*
Nội dung: Trả tiền lãi tháng 12 của công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.
(Narrative)
Số tiền lãi/Interest 26,087,569 VND

GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ
User ID
EOD 5224

KIỂM SOÁT
Supervisor

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng				
….	……	……..	…..	…….	…….
GBN101	17/12	Phí chuyển khoản	635	11.000	
			112		11.000
…..	….	……	….	…..	…..
GBN122	26/12	Trả lãi vay ngân hàng công thương CN Hải Phòng	635	48.985.183	
			112		48.985.183
GBN125	27/12	Trả lãi vay NHNT Hải Phòng	635	149.302.408	
			112		149.302.408
……	…..	……..	……	…….	…….
GBN140	30/12	Phí chuyển khoản	635	33.000	
			112		33.000
GBN142	30/12	Trả lãi vay Tháng 12 cho ngân hàng quốc tế CN Hải Phòng	635	26.087.569	
			112		26.087.569
….	…..	……..	…..	…….	…….
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 635 : Chi phí tài chính

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
….	…….	……..	…..	…….	…….
GBN101	17/12	Phí chuyển khoản	112	11.000	
…..	….	……	….	…..	…..
GBN122	26/12	Trả lãi vay ngân hàng công thương CN Hải Phòng	112	48.985.183	
GBN125	27/12	Trả lãi vay NHNT Hải Phòng	112	149.302.408	
GBN140	30/12	Phí chuyển khoản	112	33.000	
GBN142	30/12	Trả lãi vay tháng 12	112	26.087.569	
….	…..	……..	…..	…….	…….
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính.	911		524.266.713
		Cộng phát sinh		**524.266.713**	**524.266.713**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tạm ứng

- Hóa đơn GTGT

- Bảng thanh toán lương

- Bảng tính và phân bổ khấu hao

- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

TK 642 : "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

TK này dùng để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp.

Chi phí này bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí dùng đồ văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

2.2.5.3. Trình tự hạch toán

Từ các chứng từ gốc như phiếu chi, hóa đơn GTGT, giấy báo nợ của ngân hàng…kế toán tiến hàng phân bổ chi phí theo khoản mục và tập hợp chi phí phát sinh trực tiếp trên sổ cái TK 642, trên cột phát sinh nợ. Cuối tháng sẽ tập hợp và kết chuyển sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 2.7 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

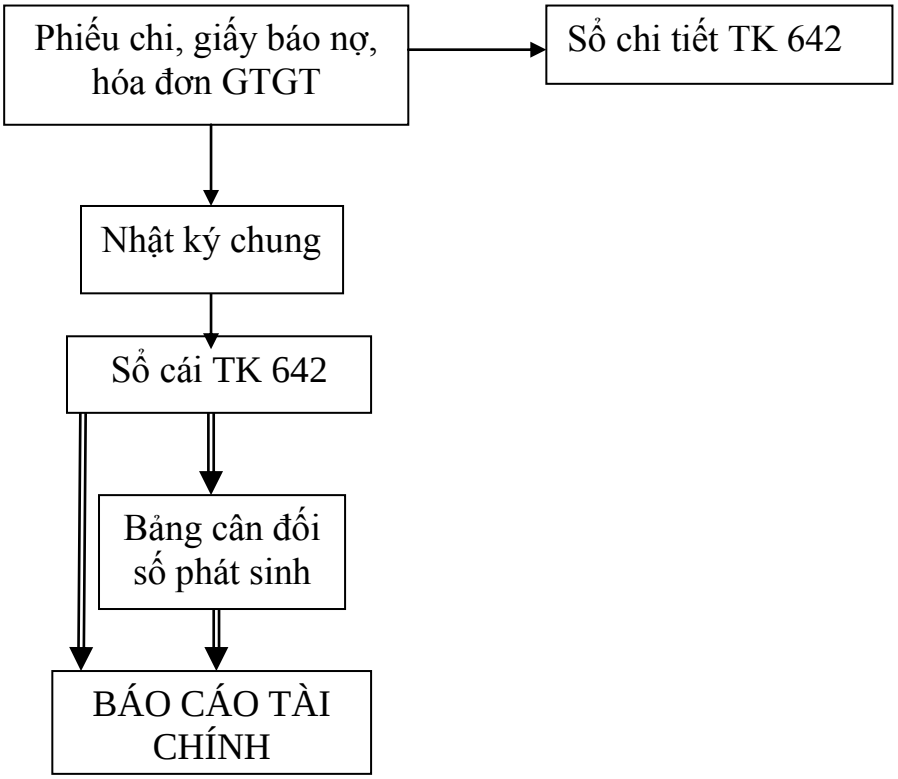

Ghi chú:

Ghi hằng ngày ⟶

Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý) ⟹

Ví dụ minh họa :

Ngày 21/12 phát sinh nghiệp vụ chi tiền tiếp khách, kế toán ghi phiếu chi. Kế toán tiến hành ghi vào chi tiết TK 642, sổ nhật ký chung.Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642, sổ cái TK 111.

Ngày 31/12 Ngân hàng quốc tế gửi giấy báo có và sổ chi tiết tài khoản khách hàng về thu phí dịch vụ Mobile Banking kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 642, sổ nhật ký chung. Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642, sổ cái TK 112.

Đơn vị: **Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.**
Địa chỉ: **Số 1- Trần Tất Văn - Kiến An- HP**

Mẫu số: B02- DN
(*Ban hành theo QĐ Số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

PHIẾU CHI Quyển số :05

Ngày 21 tháng 12 năm 2011 Số CT: 10

Nợ: 642

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Anh Hậu

Địa chỉ: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Lý do chi: *Chi tiền tiếp khách.*

Số tiền: 958.182 **VND**

Viết bằng chữ: Chín trăm lăm mươi tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng.

Kèm theo: : 01Chứng từ gốc.

Ngày 13 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**
			(Đã ký)	
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)		(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Chín trăm lăm mươi tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đáquý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng				
….	……	……..	…..	…….	…….
PC8	21/12	Chi tiền tiếp khách.	642	958.182	
			111		958.182
GBN	31/12	Thu phí dịch vụ Mobi Banking.	642	20.000	
			112		20.000
…..	……	……	…….	……..	……..
PKT116	31/12	Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán.	911	6.639.172.228	
			632		6.639.172.228
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	911	226.551.383	
			642		226.551.383
…..	…..	…….	……	……	……..
PKT118	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp.	821	11.716.248	
			3334		11.716.248
PKT119	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911	11.716.248	
			821		11.716.248
PKT120	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế.	911	35.148.743	
			421		35.148.743
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
….	….	……..	….	……	…….
PKT1	1/12	Thuế môn bài phải nộp 2011	338	1.500.000	
HĐ0069939	17/12	Chi cước điện thoại di động.	111	106.181	
HĐ0069940	17/12	Chi cước điện thoại di động.	111	372.330	
PC8	21/12	Chi tiền tiếp khách.	111	958.182	
HĐ0069940	24/12	Chi cước dịch vụ điện thoại.	111	127.503	
HĐ0069941	24/12	Chi cước dịch vụ điện thoại.	111	291.323	
GBN	31/12	Thu phí dịch vụ Mobile Banking.	112	20.000	
PKT93	31/12	BHXH và BHYT phải nộp cho CNV.	338	616.000	
PKT109	31/12	Lương phải trả cho CB CNV	334	14.680.000	
PKT111	31/12	Các khoản trích theo lương.	338	2.789.200	
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		226.551.383
		Cộng số phát sinh		**226.551.383**	**226.551.383**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Nội dung, trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý, nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh ký TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác.

2.2.6.3. Trình tự hạch toán

<u>Sơ đồ 2.8</u> : Quy trình hạch toán kết quả hoạt động khác

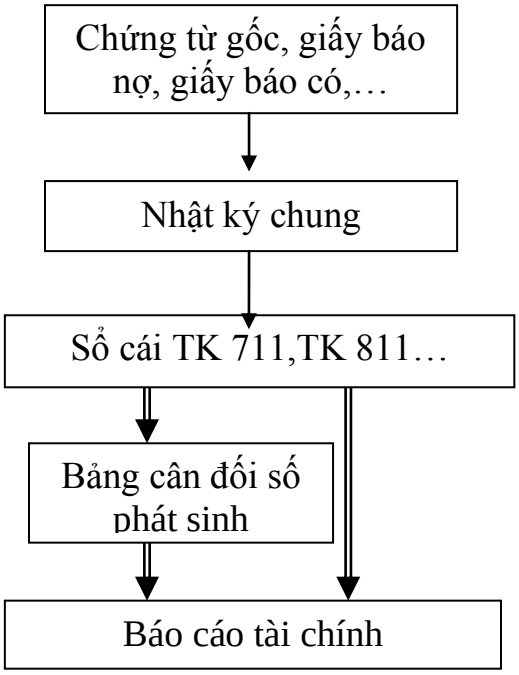

Ghi chú:

→ Ghi hằng ngày

⟹ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)

Ví dụ minh họa:

Ngày 22/12, nhượng bán 1 xe xúc lật sử dụng từ tháng 12 năm 2002, nguyên giá 550.000.000 đồng, đã khấu hao 458.333.333 đồng thu được 75.000.000 đồng, chi phí nhượng bán là 2.000.000 đồng thuế GTGT 10% cho công ty cổ phần Minh Anh.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 106/BBTLTSCĐ

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Căn cứ kế hoạch thanh lý TSCĐ của Cty Cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

- Căn cứ quyết định số: 22 ngày tháng 12 năm 2011

Nay thành lập hội đồng thanh lý gồm:

Ông: Đỗ Văn Lý Chức vụ: Giám đốc công ty

Bà: Nguyễn Thị Mến Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Hữu Đại Chức vụ: Thanh tra

Đã tiến hành thị sát xem xét cụ thể:

Tên TSCĐ: xe xúc lật. Số hiệu ghi TSCĐ

Qui cách:

Khấu hao cơ bản đã tính đến ngày: 22/12/2011

Đưa vào sử dụng: 2002

Đã sữa chữa lớn: 02 lần, Số tiền:

1/ Trạng thái kỹ thuật: bình thường

2/ Nguyên nhân thanh lý: đổi mới nâng cao chất lượng xe.

3/ Giá trị còn lại: 91.666.667

4/ Giá trị thu hồi: 75.000.000

Kết luận và kiến nghị của Hội đồng: đồng ý thanh lý xe xúc lật.

THANH TRA **KẾ TOÁN TRƯỞNG** **GIÁM ĐỐC**

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số: 121

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xóa sổ TSCĐ	811		91.666.667
		214		458.333.333
			211	550.000.000
2	Khoản thu về thanh lý TSCĐ	111		82.500.000
			711	75.000.000
			3331	7.500.000
3	Chi phí cho việc nhượng bán	811		2.000.000
		133		200.000
			111	2.200.000
	Cộng			634.700.000

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng
(chữ ký,họ tên)	*(chữ ký,họ tên)*	*(chữ ký,họ tên)*

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HẢI PHÒNG

Số tham chiếu: 32185TT111200035
Loại chuyển tiền: KO
Ngày lập lệnh: 22/12/2011

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 22/12/2011

Ngân hàng gửi lệnh: **IKO4211** CNNH NN & PTNN Hải Phòng.

Ngân hàng nhận lệnh: **IKO3503** CNNH NN & PTNN Hải Phòng.

Người phát lệnh: Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: Tại IKO4207 CNNH NN & PTNN Hải Phòng.

Người nhận lệnh: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: 8003211230027 Tại IKO3503 CNNH NN & PTNN Hải Phòng.

Chương loại khoản mục:

Mã số thuế:

Số tiền: 82.500.000 VNĐ

Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Công ty cổ phần Minh Anh thanh toán tiền hàng

Thời gian chuyển tiền: 22/12/2011 09:21:22 **Ngày nhận**:22/12/2011 09:32:52

Ngày in: 22/12/2011 09:36:26

Thanh toán viên Kiểm soát

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Bộ phận: Kế toán

PHIẾU CHI Quyển số : 24

Ngày 22 tháng 12 năm 2011 Số: 178

Nợ TK 811: 2.000.000 VND

Nợ TK 133: 200.000 VND

Có TK 111 : 2.200.000VND

Họ tên người nhận: Nguyễn Minh Trường
Lý do chi: Chi tiền cho việc nhượng bán xe xúc lật

Số tiền: 2.200.000

Viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký,ghi họ tên)	(Ký,ghi họ tên)	(Ký,ghi họ tên)	(Ký,ghi họ tên)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
….	……	……..	…..	…….	…….
PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật	214	458.333.333	
PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật	811	91.666.667	
PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật	211		550.000.000
GBC 2212	22/12	Thu tiền nhượng bán	112	82.500.000	
GBC 2212	22/12	Thu tiền nhượng bán	711		75.000.000
GBC 2212	22/12	Thu tiền nhượng bán	3331		7.500.000
PC 178	22/12	Chi phí nhượng bán	811	2.000.000	
PC 178	22/12	Chi phí nhượng bán	133	200.000	
PC 178	22/12	Chi phí nhượng bán	111		2.200.000
….	…..	……..	…..	…….	…….
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 711: Thu nhập khác

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKT112	22/12	Thu tiền nhượng bán	112		75.000.000
PKT119	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.	911	75.000.000	
		Cộng phát sinh		**75.000.000**	**75.000.000**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 811: Chi phí khác

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKT120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật	211	91.666.667	
PC178	22/12	Chi phí nhượng bán	111	2.000.000	
PKT120	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.	911		93.666.667
		Cộng phát sinh		**93.666.667**	**93.666.667**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty, kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ. Vì vậy ngoài chỉ tiêu về doanh thu, thu nhập để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán còn tập hợp các khoản chi phí.

- ***Tài khoản sử dụng:***
  - *TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"*
  - *TK 421: Lãi chưa phân phối*
- ***Nguyên tắc hạch toán:***

Sau khi bù trừ 2 bên Nợ và Có trên TK 911.Nếu :

+ Số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên có TK 911. Doanh nghiệp lỗ và số tiền được chuyển sang Nợ TK 421.

+ Số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911. Doanh nghiệp lãi và số tiền được chuyển sang Có TK 421.

Kế toán hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK 821.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu Thuế * 25%.

Ví dụ minh họa :

Căn cứ vào PKT 114, PKT 115, PKT 116, PKT 117, PKT 118, PKT 119, PKT 120, PKT 121… Kế toán tiến hành nghi sổ nhật ký chung của tháng 12/2011. Từ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 911, sổ cái TK 421, sổ cái TK 821.

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 114

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ.	511	911	7.455.390.353
Cộng			7.455.390.353

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 115

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển doanh thu tài chính.	515	911	131.692
Cộng			131.692

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 116

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán.	911	632	6.639.172.228
Cộng			6.639.172.228

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 117

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển chi phí tài chính.	911	635	524.266.713
Cộng			524.266.713

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 118

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	911	642	226.551.383
Cộng			226.551.383

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 119

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển thu nhập khác.	711	911	75.000.000
Cộng			75.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 120

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển chi phí khác.	911	811	93.666.667
Cộng			93.666.667

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 121

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	11.716.248
Cộng			11.716.248

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP
Địa chỉ: Số 1-Trần Tất Văn-Kiến An-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số phiếu: 122

Nội dung	TK nợ	TK có	Số Tiền
1.Kết chuyển lợi nhuận sau thuế.	911	421	35.148.743
Cộng			35.148.743

Ngày 31 tháng 12 năm2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng				
….	……	……..	…..	…….	…….
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	511	7.455.390.353	
			911		7.455.390.353
PKT115	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính.	515	131.629	
			911		131.629
PKT116	31/12	Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán.	911	6.639.172.228	
			632		6.639.172.228
PKT118	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	911	226.551.383	
			642		226.551.383
PKT119	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	75.000.000	
			911		75.000.000
PKT120	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	93.666.667	
			811		93.666.667
PKT121	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp.	821	11.716.248	
			3334		11.716.248
PKT122	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN.	911	11.716.248	
			821		11.716.248
PKT123	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	35.148.743	
			421		35.148.743
		Cộng phát sinh		**16.553.132.007**	**16.553.132.007**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Năm 2011

Tài khoản 821: Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
PKT121	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	11.716.248	
PKT122	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		11.716.248
		Cộng phát sinh		**11.716.248**	**11.716.248**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ.	511		7.455.390.353
PKT115	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính.	515		131.629
PKT116	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán.	632	6.639.172.228	
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	524.266.713	
PKT118	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	226.551.383	
PKT119	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		75.000.000
PKT120	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	93.666.667	
PKT122	31/12	Kết chuyển chi phí Thuế TNDN.	821	11.716.248	
PKT123	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế.	421	35.148.743	
		Cộng phát sinh		**7.530.521.982**	**7.530.521.982**
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng.

SỔ CÁI

Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Trích tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			**388.268.364**
PKT123	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		35.148.743
		Cộng phát sinh			
		Số dư cuối kỳ			**423.417.107**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP

3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công tác doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong doanh nghiệp. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được chú trọng. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau :

- Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không chỉ trên lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty. Việc hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.1.1.1. Ưu điểm

- Về đội ngũ cán bộ kế toán của công ty: Đa số là những người có kinh nghiệp lâu năm, nhiệt tình, nhạy bén trong xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và

tổng hợp thông tin kế toán. Mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình đưa ra trao đổi bàn bạc để từ đó không ngừng hoàn thiện công tác kế toán của công ty.

- Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên trong công ty. Bộ máy kế toán tổ chức quy củ, có kế hoạch, sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.

- Về hình thức kế toán sử dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với đặc điểm sản xất kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin tài chính được phản ánh kịp thời, rõ ràng và đầy đủ tạo điều kiện cho lãnh đạo công ty trong công tác quản lý, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp để chỉ đạo sản xuất.

- Về hạch toán ghi sổ: Công ty đã áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác quản lý tài chính, cụ thể là số liệu chứng từ kế toán đều được đưa vào máy tính để tính toán và lưu giữ thuận lợi cho việc báo cáo kế toán và quản lý số liệu.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại công ty cũng như tài khoản sử dụng cho việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành.

3.1.1.2. Nhược điểm

✓ Về hạch toán ghi sổ:

- Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán mà chủ yếu phục vụ cho các công việc văn phòng thông thường, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán kế toán.

✓ Về sổ sách sử dụng:

- Đối với tài khoản phải thu khách hàng, kế toán không ghi sổ chi tiết phải thu khách hàng gây khó khăn trong việc theo dõi công nợ của từng đối tượng. Đồng thời kế toán cũng không lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng dẫn đến không biết được số phải thu tăng trong kỳ và số khách hàng trả trong kỳ, không thể hiện được cụ thể các lần phát sinh tăng nợ phải thu và các lần trả nợ của khách hàng.

- Công ty không mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng kế toán không đáp ứng kịp thời thông tin về giá bán của sản phẩm…

- Công ty không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản, gây khó khăn trong việc tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm.

✓ Về quá trình luân chuyển chứng từ:

- Qúa trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban thường chậm trễ gây ứ đọng công việc, làm khó khăn cho công tác kế toán.

✓ Về tổ chức kế toán quản trị:

- Trong quá trình thực tập khảo sát tại công ty, công tác kế toán quản trị chưa thực sự được chú trọng. Kế toán viên mới chỉ dừng lại ở việc tính toán các chỉ tiêu, đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm hiện hành, chưa tổ chức phân tích, nhận xét đánh giá Báo cáo tài chính cũng như so sánh với năm trước để thấy rõ sự biến động tăng hoặc giảm của doanh thu, chi phí…

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Trong cơ chế thị trường biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu.

Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ máy quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học để có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa, báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như : Chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng … để có được sự đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.2.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán.

- Thứ nhất :

- Theo dõi các khoản phải thu là công việc quan trọng trong mỗi công ty vì vậy nên mở sổ theo dõi chi tiết phải thu khách hàng theo mẫu quy định để theo dõi tình hình tăng giảm các khoản thanh toán nợ phải thu một cách cụ thể rõ ràng. Đồng thời kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng để dễ dàng cho việc theo dõi, đối chiếu.

- Công ty nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán) theo mẫu của Bộ tài chính.

- Thứ hai :

- Công ty nên lập sổ chi tiết theo từng mảng kinh doanh : mảng xây lắp hay mảng cung cấp điện,theo từng công trình…theo mẫu quy định của bộ tài chính.

- Mục đích : Sổ này mở theo từng sản phẩm mà doanh nghiệp đã cung cấp được khách hàng trả ngay bằng tiền mặt hay chấp nhận thanh toán…Theo dõi chặt chẽ công nợ phải thu.

- Ví dụ : Mở sổ chi tiết bán hàng cho công trình cấp nước Thành Tô.

Đơn vị : .....
Địa chỉ : .....

Mẫu số S37-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bất đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521,531,532
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doang thu thuần - Giá vốn hàngbán - Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ: .....

Ngày .....tháng ..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Đơn vị : Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng
Địa chỉ : Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S37-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bất đầu sản đầu tư): Công trình xây dựng

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521,531,532
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
16/12	HĐ0069936		Quyết toán công trình cấp thoát nước Thành Tô.	111	1	35.815.455	35.815.455		
			Cộng số PS trong kỳ				35.815.455		
			Doanh thu thuần				35.815.455		
			Gía vốn hàng bán				19.525.313		
			Lãi gộp				16.290.142		

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ: .....

Ngày .....tháng ..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

3.2.2.2. Hoàn thiện về hiện đại hóa công tác kế toán.

Trong điều kiện khoa học phát triển như hiện nay thì tin học được vận dụng một cách rộng rãi. Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng cũng đã vận dụng tin học vào công tác quản lý cũng như công tác kế toán nhưng chưa triệt để. Chưa áp dụng các phần mềm kế toán dẫn tới chưa tiết kiệm lao động, báo cáo số liệu chậm, độ chính xác không cao. Vì vậy đề nghị công ty cấp kinh phí cho phòng kế toán mua phần mềm kế toán để sử dụng trong công tác hạch toán.

Một số phần mềm kế toán công ty có thể áp dụng :

- ***Phần mềm kế toán FAST***

❖ ***Phần mềm kế toán MISA***

❖ ***Phần mềm kế toán SAS INNOVA***

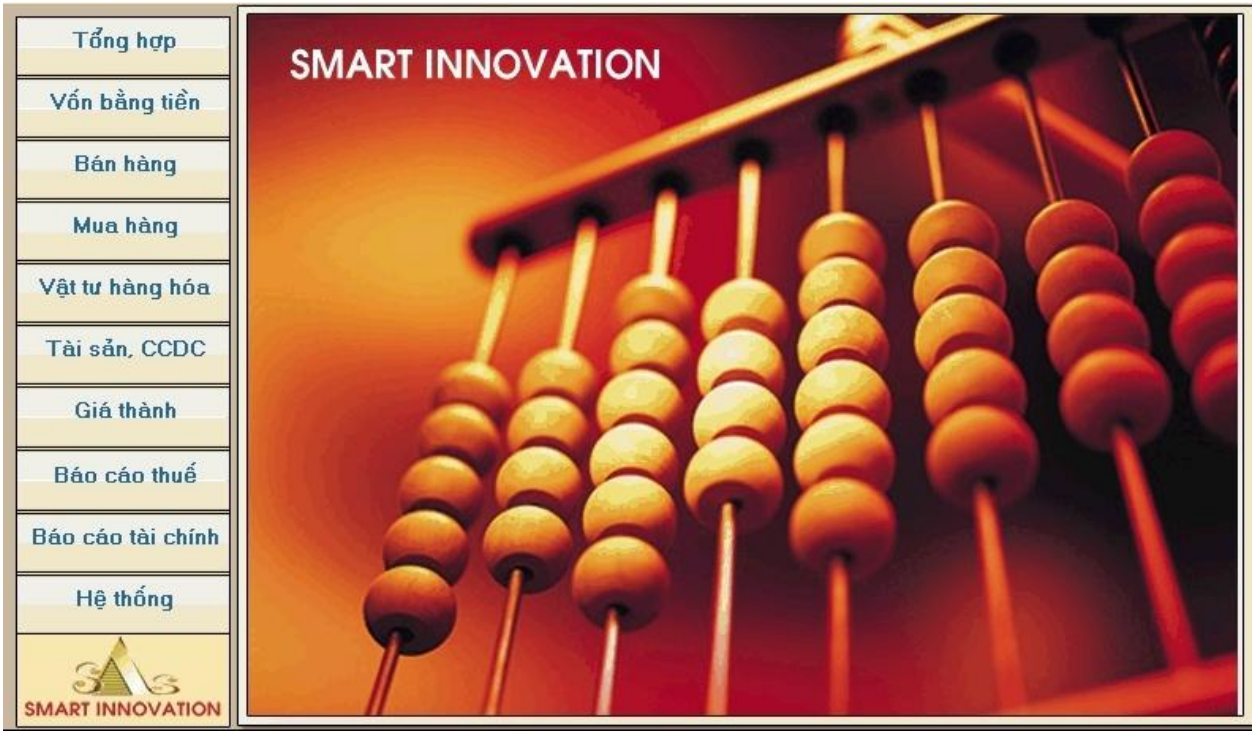

❖ ***Phần mềm kế toán SMART***

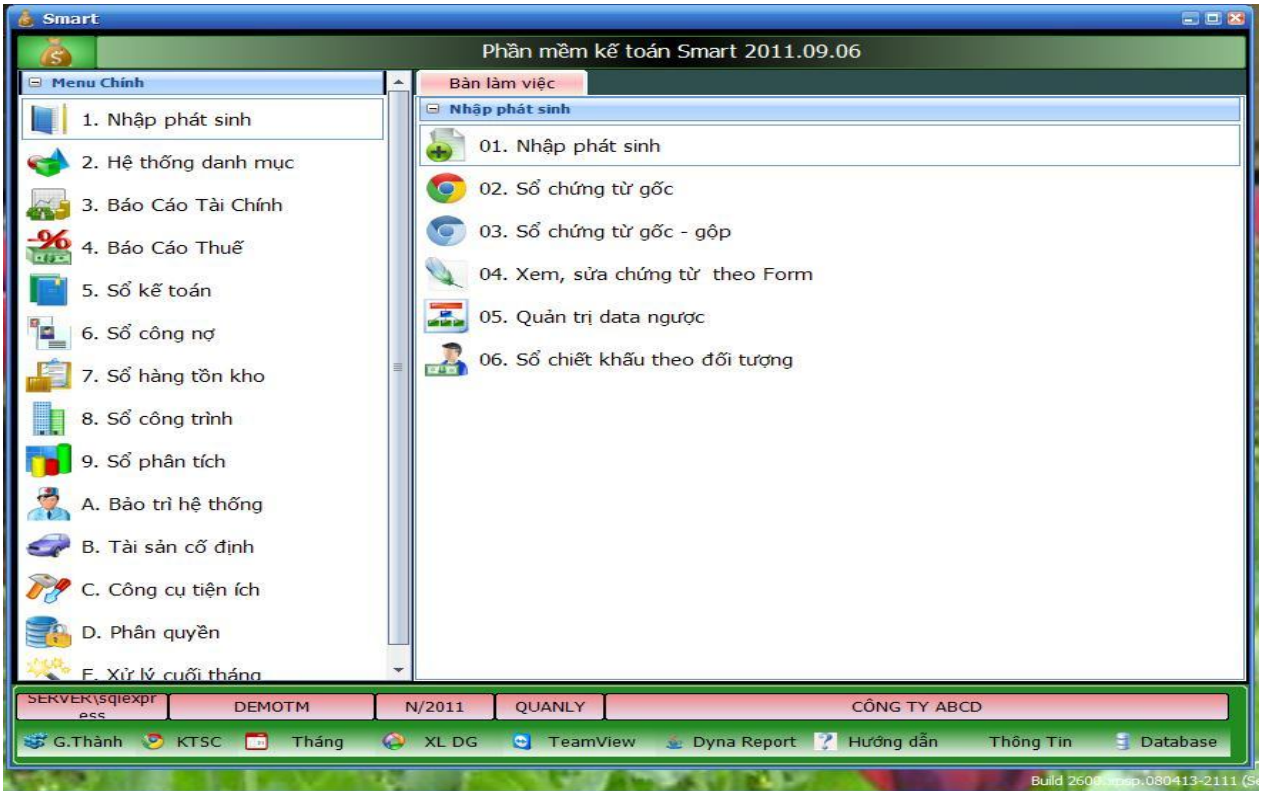

3.2.2.3. Hoàn thiện về quá trình luân chuyển chứng từ.

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ, từ kho sang phòng tài vụ để xử lý chứng từ chậm trễ gây ra rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành sản phẩm hoàn thành, gây dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được tập hợp một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban, kho… phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

3.2.2.4. Một số giải pháp khác

- Thứ nhất : Đối với những chỗ ghi chép sai trên sổ kế toán nên vận dụng những phương pháp chữa sổ theo quy định của nhà nước. Có 3 phương pháp chữa sổ kế toán :

✓ Phương pháp cải chính : Gạch ngang chỗ ghi sai, dùng mực thường ghi số đúng vào khoảng trống phía trên chỗ bị gạch và ký tên bên cạnh chỗ ghi.

✓ Phương pháp ghi bổ sung : Dùng mực thường ghi bổ sung số tiền còn thiếu theo đúng quan hệ đối ứng.

✓ Phương pháp ghi âm : Dùng mực đỏ hoặc đặt số tiền trong ngoặc để điều chỉnh giảm số tiền đã ghi sổ.

- Thứ hai : Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty.

- Công ty cần có đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp, mà còn am hiểu thành tạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập báo cáo tài chính. Hơn nữa cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp chính xác, đầy đủ kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt chú ý trang bị phương tiện kỹ thuật áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế.

- Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Thứ ba : Hiện nay công ty đang có một số khách hàng nợ dài hạn, giá trị cũng khá lớn, công ty nên đưa ra phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán sớm hoặc trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh, hạn chế các khoản đi vay của công ty. Công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán nếu khách hàng có thể thanh toán ngay hoặc thanh toán trước thời hạn thỏa thuận ban đầu…

Ghi Nợ TK 635

Có TK 111,112 (Nếu khách hàng trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng)

Có TK 131 (Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu)

Mức hưởng chiết khấu theo tháng và tùy vào từng công trình : Ví dụ trả trước 1 tháng được hưởng chiết khấu 1%, trước 2 tháng 2% trên tổng số nợ…

KẾT LUẬN

Kế toán là một công cụ giúp cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh luôn nắm bắt được những gì đã làm, cần làm và sẽ làm, đồng thời nó cũng là một công cụ quản lý của tất cả các nhà kinh doanh trong mọi lĩnh vực. Trong hoạt động kinh doanh rất cần kế toán để làm công tác quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý tiêu thụ hàng hóa, cơ sở vật chất và sự vận động của vốn kinh doanh sao cho an toàn và hiệu quả.

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề mang tính lý luận, vừa mang tính thực tế cao. Do vậy, kế toán phát huy được vai trò này thì việc công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu.

Sau một thời gian được tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng. Dưới sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chị trong phòng kế toán, cùng sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn là thày giáo, thạc sĩ Phạm Văn Tưởng em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Do kiến thức về mặt lý luận còn hạn chế nên bài báo cáo này của em không tránh phải những thiếu xót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất và giúp cho bản thân em có điều kiện tìm hiểu môi trường thực tiễn để nâng cao các nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thày giáo– **Th.s Phạm Văn Tưởng**, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện HP cùng toàn thể thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng 01 ngày 12 tháng năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Chinh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.

2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

3/ Quản trị tài chính doanh nghiệp - TS Võ Đăng Nam

4/ Kế toán tài chính - TS Phan Đức Dũng - Nhà xuất bản thống kê

5/ Hướng dẫn và thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị.

6/ Khóa luận của các khóa 9,11 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.